

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trần Trung Dũng

**GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM, TỪ THỰC TIỄN
CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN KHU VỰC PHÍA NAM**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Trần Trung Dũng

GIÁO DỤC PHÁP LUẬT
TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN
CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM, TỪ THỰC TIỄN
CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN KHU VỰC PHÍA NAM

Chuyên ngành : Luật Hiến pháp và Luật hành chính
Mã số : 8.38.01.02

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:
TS. NGUYỄN LINH GIANG

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của cá nhân tôi. Các kết quả nghiên cứu, điều tra xã hội học trình bày trong luận văn là trung thực và chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các thông tin, tư liệu trích dẫn trong luận văn có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Trần Trung Dũng

LỜI CẢM ƠN

Luận văn này được thực hiện tại Học viện Khoa học Xã hội, cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Để hoàn thành được luận văn này, tôi đã nhận được rất nhiều sự động viên, giúp đỡ của nhiều cá nhân và tập thể. Trước hết tôi xin chân thành bày tỏ lòng biết ơn chân thành, sâu sắc tới TS Nguyễn Linh Giang đã hướng dẫn tôi thực hiện đề tài này.

Xin bày tỏ lòng biết ơn chân thành đến các thầy cô, những người đã đem lại kiến thức vô cùng hữu ích cho tôi trong suốt hai năm học qua. Xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám đốc, Phòng Đào tạo của Học viện cùng toàn thể cán bộ, giáo viên cơ sở Học viện tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tạo điều kiện cho tôi trong quá trình học tập.

Cuối cùng, tôi xin gửi tới gia đình, bạn bè, đồng nghiệp những người đã luôn bên tôi, động viên và khuyến khích tôi trong quá trình học tập và thực hiện đề tài nghiên cứu của mình.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM.....	7
1.1 Khái niệm, mục đích, vai trò của giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam	7
1.2 Đối tượng, chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam	14
1.3. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam	17
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam.....	28
Chương 2: THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN KHU VỰC PHÍA NAM CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM	35
2.1. Khái quát về các trường sĩ quan khu vực phía Nam của Quân đội nhân dân Việt Nam	35
2.2. Thực trạng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam	37
2.3. Thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giảng dạy giáo dục pháp luật tại các Trường Sĩ quan khu vực phía Nam.....	57
Chương 3: NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM Ở KHU VỰC PHÍA NAM	60
3.1. Giải pháp về nội dung giáo dục pháp luật.....	60
3.2. Giải pháp về hình thức giáo dục pháp luật.....	63

3.3. Giải pháp về phương pháp giáo dục pháp luật.....	66
3.4. Giải pháp về phương pháp đánh giá kết quả.....	71
3.5. Các giải pháp khác	74
KẾT LUẬN	79

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANCT	An ninh chính trị
BCHT	Bình chủng hợp thành
ĐH	Đại học
CHTM	Chỉ huy tham mưu
CNVVCQP	Công nhân và viên chức quốc phòng
GV	Giảng viên
GDPL	Giáo dục pháp luật
HV	Học viên
HSQ, BS	Hạ sĩ quan, binh sĩ
NTQS	Nghệ thuật quân sự
QĐND	Quân đội nhân dân
QNCN	Quân nhân chuyên nghiệp
QPAN	Quốc phòng an ninh
QPPL	Quy phạm pháp luật
PB	Phổ biến
SQ	Sĩ quan
XHCN	Xã hội chủ nghĩa
XHH	Xã hội học

DANH MỤC BẢNG BIỂU

<i>Bảng 2.1: Đánh giá tầm quan trọng của môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật.....</i>	39
<i>Bảng 2.2: Hình thức giáo dục pháp luật</i>	45
<i>Bảng 2.3: Phương pháp giáo dục pháp luật.....</i>	46
<i>Bảng 2.4: Đánh giá kết thúc môn học</i>	52
<i>Bảng 2.5: Cách thức hoạt động của các trường đối với công tác giáo dục pháp luật ngoại khóa.....</i>	56

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Bảo vệ Tổ quốc là một trong hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước ta, là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị, trong đó Quân đội nhân dân giữ vai trò nòng cốt. Trước yêu cầu của sự nghiệp xây dựng Quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, đòi hỏi cấp thiết phải nâng cao chất lượng rèn luyện kỹ luật, tạo sự thống nhất cao về ý chí, hành động trong toàn quân. Một trong những vấn đề cốt lõi là phải nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, chiến sĩ trong quân đội. Đây là một khâu căn bản, có ý nghĩa quan trọng hình thành nhân cách, phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong điều kiện mới. Mặt khác, giáo dục pháp luật còn là một nội dung quan trọng của công tác giáo dục chính trị, nhằm trang bị bồi dưỡng tri thức, tình cảm, niềm tin và ý thức pháp luật cho quân nhân. Từ đó, giúp họ tự giác chấp hành nghiêm pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, góp phần quan trọng tạo nên sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng nhận và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Có thể thấy, giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam có vai trò quan trọng trong hình thành nhân cách, ý thức pháp luật cho cán bộ; học viên; quân nhân chuyên nghiệp; công nhân và viên chức quốc phòng; hạ sĩ quan, binh sĩ. Giáo dục pháp luật nhằm bồi dưỡng, phát triển ý thức, hành vi pháp luật cho mọi quân nhân, củng cố những tri thức hiểu biết về pháp luật và hành vi chấp hành pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi xây dựng đơn vị vững mạnh về mọi mặt, làm cơ sở nâng cao chất lượng tổng hợp và sức chiến đấu của Quân đội.

Trong những năm qua, công tác giáo dục pháp luật trong các Trường Sĩ quan khu vực phía Nam có những bước chuyển biến tích cực. Chủ trương đổi

mới nội dung, chương trình, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật luôn được các cấp lãnh đạo, chỉ huy quan tâm nên đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Tuy nhiên, kết quả thu được chưa ngang tầm với tiềm năng, yêu cầu nhiệm vụ và vẫn còn tồn tại nhiều bất cập. Cụ thể là: Công tác giáo dục pháp luật chưa thật sự có hiệu quả cao; kết quả học tập các môn pháp luật còn hạn chế, các quy định pháp luật đã được quán triệt nhiều, nhưng ý thức pháp luật của một bộ phận quân nhân vẫn chưa nghiêm, chưa trở thành thói quen, phẩm chất bền vững. Các biện pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho cán bộ, học viên, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ chưa thật sự phù hợp, thống nhất, chưa gắn giáo dục với hoạt động thực tiễn, nên còn một số hạn chế, bất cập chưa giải quyết được dứt điểm. Đội ngũ giáo viên giảng dạy pháp luật còn thiếu và hạn chế về trình độ, phương pháp đánh giá còn hình thức. Các hoạt động giáo dục pháp luật thông qua hoạt động ngoại khóa còn nặng về hình thức, chưa gắn giáo dục pháp luật với rèn luyện kỷ luật trong hoạt động thực tiễn. Những vấn đề về nội dung, chương trình, hình thức giáo dục pháp luật, phương pháp giáo dục pháp luật và phương pháp đánh giá kết quả là những vấn đề cần phải nghiên cứu để tìm ra giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật và khắc phục những hạn chế còn tồn tại. Xuất phát từ những nguyên nhân trên, tác giả chọn nghiên cứu đề tài ***“Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam, từ thực tiễn các Trường Sĩ quan khu vực phía Nam”*** là vấn đề mang tính cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Nghiên cứu về giáo dục pháp luật dưới góc độ khoa học pháp lý có rất nhiều các nhà khoa học quan tâm. Đến nay có rất nhiều công trình nghiên cứu, các bài báo, đề tài khoa học về giáo dục pháp luật của tập thể, cá nhân đã được công bố.

Qua tìm hiểu các công trình nghiên cứu về giáo dục pháp luật đã được công bố cho thấy, vấn đề giáo dục pháp luật được đề cập dưới nhiều góc độ khác nhau, song về cơ bản bao gồm các nhóm vấn đề sau:

Nhóm 1: Nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về giáo dục như:

Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính Trị quốc gia, Hà Nội.

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, PGS.TS Chu Hồng Thanh chủ trì (2011), *Giải pháp hoàn thiện hệ thống pháp luật về giáo dục giai đoạn 2010 – 2020*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

Viện Nhà nước và pháp luật - Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn chủ trì (2007), *Cơ sở khoa học của việc xây dựng ý thức pháp luật và lối sống theo pháp luật*, Đề tài khoa học cấp nhà nước, mã số KX.07-17.

Viện Nghiên cứu Khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1994), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Đề tài cấp Bộ, mã số 92-98-223-ĐT.

Nhóm 2: Nghiên cứu giáo dục pháp luật đối với các đối tượng cụ thể nhằm lý giải những đặc thù và đưa ra những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho từng đối tượng, gồm:

Nguyễn Văn Hiên (2017), *Giáo dục pháp luật từ thực tiễn tỉnh Cà Mau*, Luận văn Thạc sĩ Luật học.

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2000), *Đổi mới giáo dục pháp luật trong hệ thống các trường chính trị ở nước ta hiện nay*, Đề tài khoa học cấp Bộ.

Nguyễn Hoàng Huy (2008), *Giáo dục pháp luật về quốc phòng cho cán bộ, chiến sĩ trong Quân đội nhân dân Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ Luật học.

Dương Thị Thanh Mai (1996), *Giáo dục pháp luật qua hoạt động tư pháp ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Lê Hồng Sơn (2004), *Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong đào tạo sĩ quan Hậu cần hiện nay*, Luận văn Thạc sĩ Luật học.

Đinh Xuân Thảo (1996), *Giáo dục pháp luật trong các trường đại học, chung học chuyên nghiệp và dạy nghề ở nước ta hiện nay*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.

Võ Thị Mai Thi (2016), *Giáo dục pháp luật trong các trường cao đẳng từ thực tiễn Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học.

Nhóm 3: Nghiên cứu giáo dục pháp luật trong mối quan hệ với các nội dung khác:

Trần Ngọc Đường (1988), *Giáo dục ý thức pháp luật với việc tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học.

Nguyễn Đình Lộc (1987), *Ý thức pháp luật và giáo dục pháp luật ở Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Luật học.

Các công trình nghiên cứu khoa học của tập thể, cá nhân từ nhiều góc độ và cách tiếp cận đã tập trung phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn và đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục pháp luật. Đây là nguồn tư liệu, tài liệu tham khảo phong phú, quý giá để tác giả nghiên cứu và kế thừa có chọn lọc. Song, đến nay chưa có công trình nào nghiên cứu một cách đầy đủ, có hệ thống về giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan từ thực tiễn các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Vì vậy, đề tài “**Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam, từ thực tiễn các Trường Sĩ quan khu vực phía Nam**” không trùng lặp với bất kỳ công trình khoa học nào đã được công bố.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.

3.1. Mục đích nghiên cứu

Làm rõ cơ sở lý luận và đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật ở các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp nhằm

nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung và giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam nói riêng.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Phân tích cơ sở lý luận của việc giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam. Khái quát hóa mục đích, vai trò và nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả của việc giáo dục pháp luật, từ đó xác định các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay làm cơ sở đánh giá thực trạng giáo dục pháp luật.

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng về giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam, bao gồm những mặt làm được và chưa làm được, xác định nguyên nhân của những kết quả đạt được và hạn chế thiếu sót.

Đề xuất phương hướng, giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam từ thực tiễn các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật cho sĩ quan, học viên; quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

Đề tài nghiên cứu quá trình giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Các tư liệu, số liệu phục vụ nghiên cứu giới hạn từ năm 2012 đến nay.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài thực hiện dựa trên lý luận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về xây dựng

Nhà nước pháp quyền và công tác giáo dục pháp luật; các văn kiện, nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng về công tác giáo dục pháp luật.

Trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tác giả sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu của các khoa học chuyên ngành và liên ngành, trong đó chú trọng các phương pháp: phân tích, tổng hợp; lôgic và lịch sử; phương pháp thống kê, so sánh; điều tra xã hội học, tổng kết thực tiễn và phương pháp chuyên gia.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung, hoàn thiện những vấn đề lý luận, thực tiễn; cung cấp thêm những luận cứ khoa học cho lãnh đạo, chỉ huy các cấp cũng như đội ngũ giáo viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ quản lý trong tổ chức, thực hiện giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đề xuất những giải pháp cơ bản nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Đề tài có thể sử dụng làm tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy, học tập môn Nhà nước và Pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội.

7. Cơ cấu của luận văn

Luận văn bao gồm phần mở đầu, 3 chương, kết luận, và danh mục tài liệu tham khảo. Nội dung chính của 3 chương gồm:

Chương 1: Cơ sở lý luận về giáo dục pháp luật trong các Trường Sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương 2: Thực trạng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

Chương 3: Những giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các Trường Sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam, từ thực tiễn các Trường Sĩ quan khu vực phía Nam.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

1.1. Khái niệm, mục đích, vai trò của giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam

1.1.1. Khái niệm giáo dục pháp luật

Nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, để nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước thì công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật là hết sức quan trọng, đóng vai trò thiết yếu để mọi chủ thể trong xã hội thực thi pháp luật nghiêm minh và chính xác. Giáo dục pháp luật là một trong những lĩnh vực hoạt động của Nhà nước với sự tham gia của các thiết chế xã hội. Có rất nhiều quan điểm, cách tiếp cận khác nhau về giáo dục pháp luật. Nhìn chung, giáo dục pháp luật được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa rộng và nghĩa hẹp.

Theo nghĩa rộng, giáo dục pháp luật là quá trình tác động, ảnh hưởng của những điều kiện khách quan của đời sống xã hội, môi trường sống, điều kiện sống, làm việc của con người, của cả những yếu tố chủ quan, sự tự giác, tự ý thức, các định hướng xã hội... Giáo dục pháp luật là quá trình hình thành ý thức pháp luật và văn hóa pháp lý của các thành viên xã hội, quá trình đó chịu sự tác động của những điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan, trong đó điều kiện khách quan (Chế độ chính trị, điều kiện kinh tế, văn hóa xã hội, môi trường sống...) là nhân tố ảnh hưởng, nó có thể tác động tự phát theo chiều tích cực hoặc tiêu cực, còn nhân tố chủ quan bao giờ cũng là sự tác động tự giác, tích cực, có ý thức, có chủ định theo định hướng xác định nhằm đạt được mục đích của chủ thể tác động. Theo nghĩa hẹp, giáo dục pháp luật là hoạt động có định hướng, có tổ chức, có chủ đích của các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội và cá nhân (chủ thể giáo dục) tác động đến đối tượng giáo dục nhằm cung cấp tri thức pháp luật, bồi dưỡng tình cảm pháp luật và tạo lập thói quen tuân thủ pháp luật [19, tr.10].

Giáo dục pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, có tổ chức, có kế hoạch, theo nội dung và thông qua những phương pháp, hình thức nhất định từ phía chủ thể giáo dục pháp luật, tác động đến đối tượng tiếp nhận GDPL nhằm làm hình thành và phát triển ở họ hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết pháp luật; làm hình thành tình cảm, thói quen và hành vi xử sự tích cực theo pháp luật [22, tr.54]. GDPL là lĩnh vực hoạt động bao gồm tất cả các giai đoạn như định hướng GDPL, xây dựng chương trình, kế hoạch, xác định nội dung GDPL, phương pháp và hình thức GDPL; triển khai thực hiện chương trình GDPL; kiểm tra, đánh giá kết quả GDPL...

Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam trong giai đoạn hiện nay là một trong những yêu cầu có tính khách quan, cấp thiết, là hoạt động có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, hướng tới cung cấp, trang bị cho cán bộ, học viên, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ những kiến thức, hiểu biết nhất định về pháp luật; từ đó hình thành ý thức tôn trọng pháp luật, biết tuân thủ, chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội, chế độ quy định của đơn vị; sử dụng pháp luật một cách chủ động, tích cực và đúng đắn; góp phần phát huy vai trò, hiệu lực của pháp luật nói chung, điều lệnh, điều lệ của quân đội nói riêng trong hoạt động thực tiễn, góp phần xây dựng quân đội vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội trong tình hình mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

Xuất phát từ khái niệm GDPL, để đưa ra khái niệm GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam thì nhất thiết phải đề cập đến các khía cạnh sau:

Thứ nhất, GDPL là hoạt động thể hiện sự tương tác giữa chủ thể GDPL và đối tượng GDPL. Theo nguyên tắc đó, GDPL cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam cũng là

hoạt động thông qua sự tác động qua lại giữa chủ thể và đối tượng. Chủ thể GDPL ở đây chính là lãnh đạo, chỉ huy nhà trường, các phòng, khoa, cơ quan, đội ngũ giáo viên giảng dạy pháp luật, đội ngũ cán bộ quản lý. Đối tượng tiếp nhận ở đây chính là SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS đang học tập và công tác trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam.

Thứ hai, GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là hoạt động có định hướng, có mục đích, bao hàm những tác động tự giác, tích cực, tuân theo kế hoạch đã được xác định của chủ thể GDPL lên đối tượng GDPL là SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS tương ứng với các nội dung cụ thể. Tính có định hướng, có mục đích trong hoạt động của chủ thể GDPL mang tính khách quan, phản ánh những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn cuộc sống về kiến thức, hiểu biết pháp luật của SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS, được chủ thể GDPL truyền đạt, chuyển hóa nó thành nhu cầu tự thân của đối tượng là SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam. Quá trình GDPL cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS chỉ đạt được mục tiêu, hiệu quả đề ra khi SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam thực sự tự giác, tích cực biến những yêu cầu pháp luật khách quan thành nhu cầu nội tại của bản thân.

Thứ ba, quá trình GDPL cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS luôn tuân theo nội dung chương trình cụ thể, dựa trên các phương pháp GDPL khoa học, hiện đại và các hình thức GDPL phù hợp với đặc điểm tình hình của từng đơn vị nhằm hiện thực hóa tối ưu các mục tiêu GDPL. Quá trình GDPL phải có kế hoạch, nội dung, phương pháp phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Thứ tư, GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam, suy cho cùng, phải đạt được mục tiêu, hiệu quả mà chủ thể GDPL đặt ra và cũng là những tiêu chí để đánh giá chất lượng công tác này.

Trên cơ sở phân tích các khía cạnh nêu trên, có thể đưa ra định nghĩa: *Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là hoạt động có định hướng, có tổ chức, do các chủ thể GDPL tiến hành theo chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức nhất định, phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng GDPL nhằm hình thành và phát triển ở sĩ quan, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi phù hợp với các yêu cầu của pháp luật.*

1.1.2. Mục đích của giáo dục pháp luật

Việc xác định rõ mục đích của GDPL có vai trò rất quan trọng, bởi lẽ nếu xác định không rõ ràng, đúng đắn mục đích thì chủ thể GDPL không thể đưa ra nội dung, phương pháp, hình thức GDPL phù hợp, việc thực hiện GDPL sẽ không hiệu quả. Mục đích của GDPL được xem xét trên nhiều góc độ tùy thuộc vào đối tượng giáo dục, cấp độ giáo dục cũng như hình thức giáo dục. Mục đích GDPL phải đạt được ba vấn đề cụ thể sau:

Một là, GDPL phải đạt được mục tiêu nhận thức. GDPL cho bất kỳ đối tượng nào, trước hết, cũng đều nhằm cung cấp, trang bị những thông tin, kiến thức, hiểu biết pháp luật, góp phần hình thành, củng cố và nâng cao ý thức pháp luật. Đây là mục đích quan trọng đầu tiên mà hoạt động GDPL phải đạt được; bởi lẽ sự hiểu biết pháp luật sẽ là cơ sở để đối tượng GDPL tin tưởng vào chính sách, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm sự phát triển tư duy pháp lý, định hướng các hành vi của chủ thể trên thực tế.

Để có lòng tin vào các giá trị pháp luật, các chuẩn mực pháp lý cần thiết giúp cho các chủ thể chủ động xác lập hành vi và chịu trách nhiệm về hành vi thì nhất thiết phải có tri thức pháp luật. Tri thức pháp luật không thể là sự hiểu biết đơn giản, phiến diện về một khía cạnh pháp luật nào đó mà nó mang tính hệ thống, logic. Vì vậy, GDPL là hoạt động nhằm mở rộng khối

lượng tri thức pháp lý, nâng cao khả năng hiểu biết pháp luật một cách toàn diện, thống nhất đối với chủ thể.

Hai là, GDPL có mục đích hình thành, khơi dậy tình cảm và niềm tin đối với pháp luật. Đây cũng là mục đích rất quan trọng; bởi vì, nếu được trang bị kiến thức pháp luật mà không tạo được tình cảm, niềm tin vào tính công bằng, nghiêm minh của pháp luật thì con người rất dễ mắc phải các hành vi sai lệch, xa rời các nguyên tắc, quy định của pháp luật để theo đuổi lợi ích riêng. GDPL để hình thành cảm xúc pháp luật chính là giáo dục tình cảm công bằng, tình cảm trách nhiệm và tình cảm không khoan nhượng đối với các hành vi phạm tội.

Giáo dục tình cảm công bằng là giáo dục biết nhìn nhận, đánh giá một hành vi nào đó xảy ra là đúng hay sai để từ đó, bày tỏ thái độ bất bình, phê phán, lên án cái sai; bênh vực, ủng hộ và đấu tranh bảo vệ cái đúng dựa trên cơ sở kiến thức, hiểu biết pháp luật có được. Pháp luật là một trong những chuẩn mực, thước đo về sự công bằng; vì vậy, khi tham gia vào các quan hệ xã hội cụ thể, chủ thể phải biết điều chỉnh hành vi của mình sao cho phù hợp với các quy định của pháp luật.

Giáo dục tình cảm trách nhiệm là giáo dục để đối tượng GDPL biết được bản phận, nghĩa vụ pháp lý của mình, để thực hiện các hành vi sao cho phù hợp với quy định của pháp luật, biết rõ trách nhiệm pháp lý của mình và luôn hoàn thành trách nhiệm đó trong mối quan hệ với các chủ thể khác.

Giáo dục tình cảm không khoan nhượng đối với các hành vi phạm tội, về thực chất là giáo dục cho đối tượng GDPL nhận thức đầy đủ về tính nguy hiểm cho xã hội của các hành vi phạm tội, rằng tội phạm không chỉ xâm hại lợi ích của Nhà nước, tập thể, cộng đồng; mà còn xâm hại tới tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của công dân. Từ đó có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ, không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội

Ba là, GDPL có mục đích cụ thể là hình thành hành vi xử sự tích cực theo pháp luật. Mục đích về nhận thức và mục đích về thái độ, tình cảm suy cho cùng, đều nhằm phục vụ cho mục đích hình thành hành vi xử sự tích cực theo các quy định pháp luật. Việc cung cấp kiến thức pháp luật, giáo dục niềm tin sâu sắc vào sự cần thiết phải tuân theo các quy định của pháp luật là những yếu tố quan trọng nhằm làm hình thành hành vi pháp luật tích cực. Những tình cảm công bằng, ý thức trách nhiệm và tinh thần không khoan nhượng trước các hành vi phạm tội là những yếu tố tâm lý, cảm xúc không thể tách rời việc hình thành hành vi pháp luật tự giác và tích cực. V.I. Lênin đã khẳng định: “Thiếu cảm xúc, con người không thể và không bao giờ tìm kiếm được chân lý” [33, tr112].

1.1.3. Vai trò của giáo dục pháp luật

Một trong những đặc trưng cơ bản của Nhà nước pháp quyền XHCN là pháp luật luôn được đặt ở vị trí thượng tôn, không một cơ quan, tổ chức hay cá nhân nào có thể đứng ngoài hay đứng trên pháp luật. “Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ” [20. khoản 1, Đ.8]. Trong nhà nước pháp quyền, pháp luật là một trong những phương tiện hàng đầu để Nhà nước quản lý xã hội, là công cụ để công dân thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp cũng như nghĩa vụ của mình. GDPL là khâu đầu tiên trong hoạt động thực thi pháp luật, là cầu nối để chuyển tải pháp luật vào cuộc sống. Đây là một quá trình tác động thường xuyên, liên tục và lâu dài của chủ thể giáo dục lên đối tượng được giáo dục. Nghị quyết Đại hội V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII của Đảng Cộng sản Việt Nam đều xác định vị trí vai trò của công tác GDPL và trách nhiệm của các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, tổ chức xã hội trong việc phổ biến GDPL, tăng cường pháp chế XHCN. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng nhấn mạnh: Coi trọng công tác giáo dục, tuyên truyền, giải

thích pháp luật... Cán bộ quản lý các cấp, từ trung ương đến đơn vị cơ sở phải có kiến thức về quản lý hành chính và hiểu biết pháp luật. Cần sử dụng nhiều hình thức và biện pháp để giáo dục, nâng cao ý thức pháp luật và làm tư vấn pháp luật cho nhân dân [12, tr.121]. Nghị quyết Đại hội VII của Đảng ta lại tiếp tục khẳng định “thường xuyên GDPL, xây dựng ý thức sống và làm việc theo pháp luật” [13, tr.135].

Đối với các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam là nơi đào tạo nguồn cán bộ cho quân đội. Do đó, vai trò hết sức quan trọng của GDPL là góp phần cung cấp, trang bị, nâng cao kiến thức, hiểu biết pháp luật cho cán bộ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS; từ đó hình thành ý thức tự giác trong chấp hành nghiêm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật, điều lệnh, điều lệ của quân đội, biểu hiện ở những nội dung sau:

Một là, giáo dục pháp luật góp phần bồi dưỡng, nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin vào pháp luật cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS, từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật.

Pháp luật chỉ có thể được thực hiện nghiêm chỉnh và thực sự phát huy hiệu lực, hiệu quả khi SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS tin tưởng vào nguyên tắc, quy định của pháp luật. Chỉ khi nào nhận thức đúng đắn, đầy đủ các nguyên tắc, quy định của pháp luật thì mới có thể thực hiện pháp luật một cách tự giác mà không cần một biện pháp cưỡng chế nào từ phía Nhà nước. Từ vai trò cung cấp thông tin, nâng cao trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật cho sĩ quan, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS; GDPL góp phần xây dựng, củng cố niềm tin của SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS đối với pháp luật.

Hai là, GDPL là cầu nối giữa việc ban hành pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống.

Pháp luật là công cụ chủ yếu để thiết lập, duy trì trật tự, kỷ cương xã hội xã hội chủ nghĩa; là công cụ, phương tiện chủ yếu của Nhà nước trong tổ

chức, quản lý, điều hành các hoạt động của bộ máy nhà nước và những lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội; là phương tiện chủ yếu để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đối với xã hội. Chấp hành nghiêm Hiến pháp, pháp luật, điều lệnh, điều lệ của Quân đội, quy định của đơn vị là một tiêu chí, thước đo phẩm chất của mỗi quân nhân. Để pháp luật đi vào cuộc sống thì giáo dục pháp luật là một hoạt động cần thiết, không thể thiếu. Đó là cầu nối giữa ban hành chính sách, pháp luật và thực hiện chính sách, pháp luật.

Ba là, Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam góp phần nâng cao trình độ chính quy, xây dựng Nhà trường tiên tiến, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Quy định của pháp luật luôn là những chuẩn mực chung cho hành vi của mỗi tập thể, cá nhân. Nắm vững các quy định của pháp luật, có tình cảm pháp luật đúng đắn là cơ sở trực tiếp góp phần nâng cao giác ngộ về mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa cho mỗi SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS; là cơ sở thuận lợi để mỗi tập thể, cá nhân hoàn thành tốt nhiệm vụ, khắc phục những yếu kém, ngăn chặn và đẩy lùi các tiêu cực trong Nhà trường và xã hội. Làm tốt công tác GDPL góp phần xây dựng môi trường văn hóa pháp luật lành mạnh trong đơn vị; tạo ra môi trường nuôi dưỡng, hoàn thiện nhân cách con người.

1.2. Đối tượng, chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam

1.2.1. Đối tượng làm công tác giáo dục pháp luật

Đối tượng GDPL là SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS tiếp nhận trực tiếp hoặc gián tiếp tác động của các hoạt động giáo dục pháp luật do các chủ thể GDPL tiến hành nhằm đạt được các mục đích đặt ra. Nói cách khác, đối tượng của giáo dục pháp luật là những cá nhân chịu sự tác động của hoạt động GDPL, trực tiếp tham gia vào quá trình GDPL để tiếp thu, lĩnh hội

những thông tin, kiến thức pháp luật xuất phát từ nhu cầu hoặc yêu cầu hình thành, tích lũy hay củng cố vốn kiến thức, hiểu biết pháp luật của bản thân nhằm đáp ứng những đòi hỏi nhất định của thực tiễn cuộc sống.

Đối tượng GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam phân thành hai nhóm đối tượng là: học viên và sĩ quan, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS. Trong đó từng đối tượng có những đặc thù riêng tác động đến GDPL như đối tượng học viên có trình độ nhận thức và nội dung GDPL khác với QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS. Do mỗi nhóm có những đặc trưng riêng nên hoạt động GDPL đối với từng nhóm đối tượng cần có những nội dung, hình thức bảo đảm phù hợp, để đạt được các mục đích, yêu cầu của GDPL.

Đối tượng là học viên đào tạo bao gồm học viên đào tạo sĩ quan chỉ huy cấp phân đội trình độ đại học, trình độ cao đẳng và học viên là sĩ quan đào tạo sau đại học, sĩ quan đào tạo chuyên môn nghiệp vụ. Đây là đối tượng có trình độ nhận thức nên cách thức, phương pháp GDPL phải phù hợp để đạt được mục đích, yêu cầu của GDPL.

Đối tượng SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS có nội dung GDPL khác với đối tượng học viên. Trong đó QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS là đối tượng có trình độ nhận thức hạn chế, hoạt động công tác theo lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp. Theo Thông tư 42/2016 của Bộ Quốc phòng quy định “Quân nhân, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng trong Quân đội có quyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tập pháp luật. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị các cấp có trách nhiệm bảo đảm, tạo điều kiện cho quân nhân, công nhân quốc phòng, viên chức quốc phòng, người lao động hợp đồng trong cơ quan, đơn vị mình thực hiện quyền được thông tin về pháp luật” [7, khoản 3. Điều 3].

Đặc biệt đối tượng là sĩ quan họ vừa là đối tượng GDPL, vừa là chủ thể GDPL. Trong mỗi quan hệ GDPL cho sĩ quan thì họ là đối tượng của GDPL.

Với vai trò là đối tượng của GDPL họ phải bảo đảm các yêu cầu, mục đích GDPL, song với vai trò là cán bộ, sĩ quan trong mối quan hệ với cán bộ, sĩ quan cấp dưới, với HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS thì họ trở thành chủ thể của GDPL, có tác động rất lớn đến sự hiểu biết, nhận thức, thái độ tình cảm của HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS đối với pháp luật. Do đó, trong GDPL cho cán bộ, sĩ quan ngoài nội dung còn phải cung cấp cho họ phương pháp GDPL.

1.2.2. Chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật

Chủ thể làm công tác GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam rất đa dạng, đó là cán bộ, sĩ quan làm công tác quản lý; là giảng viên, bao gồm cả giảng viên dạy pháp luật và các giảng viên khác; là những người làm công tác phổ biến GDPL. Trong những chủ thể đã nêu, chủ thể có vai trò quan trọng nhất, chủ yếu nhất làm công tác GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam đó là những giảng viên dạy pháp luật.

Theo điều 54, Luật giáo dục đại học, giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học là người có nhân thân rõ ràng; có phẩm chất, đạo đức tốt; có sức khỏe theo yêu cầu nghề nghiệp; đạt trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Trình độ chuẩn các chức danh giảng viên giảng dạy trình độ đại học là thạc sĩ trở lên. Hiệu trưởng cơ sở giáo dục đại học ưu tiên tuyển dụng người có trình độ từ thạc sĩ trở lên làm giảng viên. Như vậy giảng viên GDPL là người có kiến thức rộng, vững về chuyên môn nghiệp vụ. Cùng với hoạt động giảng dạy, giảng viên còn có hoạt động nghiên cứu khoa học được thực hiện hàng năm. Bên cạnh đó, giảng viên phải định kỳ học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy. Đối với giảng viên dạy pháp luật, một yêu cầu khác được đặt ra là giảng viên phải cập nhật kịp thời những quy định mới của pháp luật, những văn bản pháp luật sửa đổi, bổ sung để phổ biến cho người học.

Đối với các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam ngoài việc thực hiện Luật Giáo dục đại học còn thực hiện theo Thông tư 42/2016 “Bộ Quốc phòng bảo đảm nguồn lực cần thiết cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật phù hợp với nhiệm vụ xây dựng, phát triển Quân đội và tình hình nhiệm vụ quân sự, quốc phòng” [7, khoản 1. Điều 3].

1.3. Nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam

1.3.1. Nội dung giáo dục pháp luật

Nội dung và mục đích giáo dục có quan hệ hữu cơ với nhau, vì vậy GDPL luôn nhằm định hướng cả về tri thức, tình cảm và hành vi cho đối tượng giáo dục. Nội dung giáo dục pháp luật là yếu tố quan trọng trong quá trình GDPL. Xây dựng nội dung giáo dục pháp luật phù hợp sẽ giúp GDPL có hiệu quả; hiệu quả cho cả việc học và khả năng ứng dụng của người học. Để xây dựng nội dung chương trình GDPL tốt phải căn cứ vào nhiều yếu tố, như căn cứ vào đối tượng học, mục tiêu của giáo dục đối với từng đối tượng, mục tiêu đào tạo ngành. Nội dung GDPL không phải cố định mà phải hiệu chỉnh, thay đổi cho phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và thực tiễn của xã hội. Vì thế chủ thể GDPL luôn phải cập nhật những vấn đề mới, những thay đổi trong thực tiễn xã hội, các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, những nhu cầu của xã hội đối với các chủ thể trong quan hệ xã hội để xây dựng, điều chỉnh nội dung giảng dạy cho phù hợp, giúp đối tượng GDPL cập nhật được kiến thức và có khả năng ứng dụng kiến thức vào trong hoạt động thực tiễn.

Nội dung giáo dục pháp luật cho các đối tượng trong các trường sĩ quan cụ thể là:

1.3.1.1. Nội dung giáo dục pháp luật cho học viên:

- Những vấn đề lý luận chung về nhà nước và pháp luật (Quy định tại Đ.24, Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13, ngày 20 tháng 6 năm 2012). Nhằm trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng của nhà nước và pháp luật. Trên cơ sở đó học viên xác định rõ vai trò của nhà nước và pháp luật trong đời sống xã hội, xây dựng niềm tin trong học viên vào bộ máy Nhà nước Việt Nam.

- Quy phạm pháp luật, văn bản quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật. Mục tiêu trang bị cho học viên hiểu được khái niệm quy phạm pháp luật, phân biệt quy phạm pháp luật với các quy phạm xã hội, trình bày hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật ở nước ta, so sánh quan hệ pháp luật với quan hệ xã hội.

- Vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa. Phần này, mục tiêu chính là học viên hiểu rõ về hành vi vi phạm pháp luật, các yếu tố cấu thành của hành vi vi phạm pháp luật, từ đó biết điều chỉnh hành vi của mình theo chuẩn mực pháp luật.

- Các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam, gồm các ngành luật: Luật Hình sự và Tổ tụng Hình sự; Luật Dân sự và Tổ tụng Dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình... Đây là nhóm các ngành luật quan trọng phải có trong chương trình học của học phần, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức pháp luật cơ bản nhất về một số ngành luật cụ thể thiết thực trong hoạt động thực tiễn của đời sống xã hội.

- Ngày 12 tháng 6 năm 2013 Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị số 10/CT-TTg về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm 2013 – 2014. Ngày 13 tháng 8 năm 2013 Bộ Giáo dục Đào tạo có văn bản số 5571/BGDĐT-TTr Hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, theo đó đối với các cơ sở

giáo dục đại học có đào tạo trình độ đại học, cao đẳng không chuyên về luật: Nội dung phòng chống tham nhũng được tích hợp, lồng ghép vào môn học Pháp luật đại cương hoặc môn học khác phù hợp với thời lượng 5 tiết. Như vậy, ngoài kiến thức chung về Nhà nước và pháp luật, học viên còn được tìm hiểu về pháp luật phòng chống tham nhũng, góp phần vào công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng và củng cố pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 12-6-2013 của Thủ tướng Chính phủ về đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014; Bộ Quốc phòng có Công văn số 5966/VP-PC ngày 05-8-2013 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, các học viện, nhà trường trong toàn quân triển khai thực hiện Chỉ thị. Cục Nhà trường làm đầu mối để phối hợp với các cơ quan chức năng của Thanh tra Chính phủ thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu của Chỉ thị; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện các nội dung theo Công văn số 1710/TTCP-PC ngày 26-7-2013 của Thanh tra Chính phủ về việc chỉ đạo, hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra, đánh giá việc tổ chức thực hiện giảng dạy nội dung phòng, chống tham nhũng tại các cơ sở giáo dục, đào tạo trong quân đội.

Bộ Quốc phòng có Chỉ thị số 01/CT-BQP ngày 13-01-2014 về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình khung, chương trình đào tạo. Trong đó, tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 137/QĐ-TTg ngày 02-12-2009 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng trong tất cả các cơ sở đào tạo; thời lượng 15 tiết cho các đối tượng của các học viện, trường đại học, trường sĩ quan, trường cao đẳng; 10 tiết đối tượng đào tạo trong các trường trung cấp, trường quân sự, trường nghề.

1.3.1.2. Nội dung giáo dục pháp luật cho sĩ quan, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS:

- Những quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về pháp luật; quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị;

- Các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân do Hiến pháp và một số đạo luật quy định;

- Những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, tổ chức bộ máy nhà nước, thực thi pháp luật, cơ chế bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân;

- Một số văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thực tiễn, có tác động trực tiếp đến đời sống xã hội như: Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Lao động, Luật Đất đai, Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, Luật Hôn nhân và gia đình...

- Cập nhật những thông tin pháp luật mới ban hành, đặc biệt là những thông tin pháp luật liên quan trực tiếp đến lĩnh vực hoạt động quân sự, các bản tin pháp luật, bản tin về tình hình thế giới và khu vực có ảnh hưởng trực tiếp đến quốc phòng và an ninh.

- Học tập quán triệt các Pháp lệnh, Thông tư như: Pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ; Thông tư của Bộ Quốc phòng quy định công tác huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động trong Quân đội; Thông tư của Bộ Quốc phòng quy định chương trình tập huấn, huấn luyện và tổ chức diễn tập, hội thi, hội thao dân quân tự vệ; Thông tư của Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế tổ chức vận chuyển cấp cứu người bị thương, bị bệnh trên các vùng biển, đảo, vùng sâu, vùng xa bằng máy bay quân sự...

1.3.2. Hình thức giáo dục pháp luật

Dạy học là quá trình hoạt động tương tác giữa giảng viên và người học, là hoạt động có chương trình, nội dung, có phương pháp dạy học mang tính

khoa học, kỹ thuật và nhất thiết phải được diễn ra bằng các hình thức tổ chức dạy học phù hợp. Hình thức dạy học là cách thức tổ chức, sắp xếp các giờ học cho phù hợp với mục tiêu bài học, môn học phù hợp điều kiện và môi trường lớp học, nhằm làm cho quá trình dạy học đạt kết quả tốt nhất.

Điều 11 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật số: 14/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 quy định hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật gồm:

- Hợp báo, thông cáo báo chí.
- Phổ biến pháp luật trực tiếp; tư vấn, hướng dẫn tìm hiểu pháp luật; cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật.
- Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, loa truyền thanh, Internet, pa-nô, áp-phích, tranh cổ động; đăng tải trên Công báo; đăng tải thông tin pháp luật trên trang thông tin điện tử; niêm yết tại trụ sở, bảng tin của cơ quan, tổ chức, khu dân cư.
- Tổ chức thi tìm hiểu pháp luật.
- Thông qua công tác xét xử, xử lý vi phạm hành chính, hoạt động tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân và hoạt động khác của các cơ quan trong bộ máy nhà nước; thông qua hoạt động trợ giúp pháp lý, hòa giải ở cơ sở.
- Lồng ghép trong hoạt động văn hóa, văn nghệ, sinh hoạt của tổ chức chính trị và các đoàn thể, câu lạc bộ, tủ sách pháp luật và các thiết chế văn hóa khác ở cơ sở.
- Thông qua chương trình giáo dục pháp luật trong các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân.
- Các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật khác phù hợp với từng đối tượng cụ thể mà các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể áp dụng để bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật đem lại hiệu quả.

1.3.2.1. Hình thức giáo dục cho học viên

Hình thức giáo dục cho học viên được thông qua hai hoạt động đó là: hoạt động chính khóa và hoạt động ngoại khóa.

- Giáo dục chính khóa thông qua học tập môn học Nhà nước và Pháp luật theo quy định của Cục Nhà trường, Bộ Tổng Tham mưu; là môn học bắt buộc quy định trong chương trình đào tạo sĩ quan chỉ huy cấp phân đội trình độ đại học, cao đẳng; sĩ quan đào tạo chuyên môn nghiệp vụ.

- Giáo dục ngoại khóa và các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp. Với hoạt động ngoài giờ lên lớp, hiện nay trong quân đội có hình thức hoạt động “Ngày pháp luật” được tổ chức vào chiều 15 hàng tháng (trường hợp ngày 15 rơi vào ngày nghỉ thì tổ chức vào ngày tiếp sau đó); “Ngày văn hóa chính trị tinh thần” được tổ chức vào chiều thứ 5 của tuần cuối tháng; đây là hoạt động mang tính chất bắt buộc. Ngoài ra học viên còn tham gia câu lạc bộ pháp luật, tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật do nhà trường tổ chức hoặc do địa phương nơi đơn vị đóng quân tổ chức, lồng ghép vào các hoạt động như biểu diễn văn nghệ, giao lưu kết nghĩa làm công tác dân vận, các buổi nói chuyện chuyên đề...

1.3.2.2. Hình thức giáo dục cho sĩ quan, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS

Thông qua các buổi học tại chức theo kế hoạch từng tháng, từng quý, năm học, theo nội dung đã được định sẵn của Tổng cục Chính trị và nội dung xác định của nhà trường. Thông qua các buổi thông báo thời sự, tình hình chính trị nội bộ, tình hình an ninh khu vực và trên thế giới từ đó quán triệt các quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, các văn bản pháp luật có liên quan để nâng cao trình độ nhận thức pháp luật của cán bộ, sĩ quan, QNCN, CNVVCQP trong quá trình tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được giao.

1.3.3. Phương pháp giáo dục pháp luật

Hệ thống pháp luật nói chung, từng văn bản quy phạm pháp luật nói riêng không tự đến được với đối tượng GDPL, mà phải thông qua những

phương pháp GDPL khác nhau nhằm truyền đạt nội dung thông tin pháp luật đến chủ thể cần GDPL. Phương pháp GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là tổng hợp cách thức tổ chức hoạt động được các chủ thể làm công tác giáo dục pháp luật sử dụng nhằm truyền đạt, chuyển giao những nội dung pháp luật nhất định cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam phù hợp với mục đích, nhiệm vụ mà chủ thể đặt ra, đồng thời phù hợp với năng lực, nhu cầu tiếp thu tri thức pháp luật của từng đối tượng.

1.3.3.1. Phương pháp giáo dục pháp luật cho học viên

Phương pháp GDPL cho học viên là tổng hợp các biện pháp mà chủ thể làm công tác GDPL sử dụng nhằm trang bị cho học viên những kiến thức pháp lý, tình cảm pháp luật, thói quen, ý thức điều chỉnh hành vi của mình theo chuẩn mực của pháp luật.

Phương pháp giảng dạy của giảng viên thể hiện trình độ nghiệp vụ sư phạm của giảng viên, nó có tính khoa học, tính kỹ thuật và tính đạo đức sư phạm. Tính khoa học thể hiện ở cách tiếp cận đối tượng, tính kỹ thuật thể hiện ở quy trình, tính nghệ thuật thể hiện bằng sự khéo léo khi giải quyết các tình huống dạy học, tính đạo đức thể hiện ở thái độ, tâm huyết của nhà giáo. Do vậy mà xã hội yêu cầu nhà giáo phải có phẩm chất của công dân và năng lực sư phạm. [32, tr.47]

Để phát huy vai trò của người học trong việc phát huy tính tích cực chủ động, khai thác tiềm năng trí tuệ, giảng viên cần phải tạo được môi trường tranh luận sôi nổi để người học được thực sự phát huy khả năng tư duy của mình, biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo. Do đó, các nhóm phương pháp thường được sử dụng là:

- Nhóm các phương pháp dạy học sử dụng ngôn ngữ: phương pháp diễn giảng (thuyết trình); phương pháp thảo luận; phương pháp vấn đáp; phương pháp sử dụng sách giáo khoa, tài liệu; phương pháp dạy học nêu vấn đề.

- Nhóm các phương pháp dạy học trực quan, là phương pháp dạy học mà giảng viên huy động các giác quan của người học tham gia vào quá trình học tập, làm cho việc nhận thức trở nên cụ thể, dễ dàng chính xác hơn. Nhóm này bao gồm các phương pháp như: phương pháp minh họa (bằng hình ảnh, số liệu, bảng thống kê, video clip, những tình huống, sự kiện pháp lý..); phương pháp quan sát thực tế; phương pháp dạy học sử dụng phương tiện hỗ trợ (máy tính, máy chiếu).

- Ngoài ra còn sử dụng các phương pháp thực hành như giao bài tập; tổ chức trò chơi pháp lý; kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; phương pháp thông tin pháp luật; phương pháp tọa đàm, trao đổi pháp luật...

1.3.3.2. Phương pháp giáo dục pháp luật cho SQ, QNCN, CN và VCQP, HSQ, BS.

Tùy thuộc vào mục đích, nội dung GDPL cho SQ, QNCN, CNVCQP, HSQ, BS; chủ thể GDPL có thể sử dụng phương pháp GDPL phù hợp với từng đối tượng. Đối với đối tượng SQ, QNCN, CNVCQP, HSQ, BS có thể sử dụng các phương pháp sau:

- *Phương pháp tuyên truyền, giải thích pháp luật*: Các chủ thể sử dụng phương pháp này khi cần phổ biến một văn bản QPPL mới được ban hành, cần thiết phải đưa nội dung cơ bản của văn bản pháp luật đó nhanh chóng đến với SQ, QNCN, CNVCQP, HSQ, BS để triển khai thực hiện.

- *Phương pháp thông tin pháp luật*: Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như sách báo, tạp chí, truyền thanh nội bộ, truyền hình, các loại hình nghệ thuật được sử dụng để truyền tải thông tin về tình hình, kết quả thực hiện pháp luật nói chung hoặc trong một lĩnh vực pháp luật cụ thể nói riêng. Đó là những thông tin về thực tiễn đời sống pháp luật mà chủ thể GDPL muốn truyền đạt đến đối tượng GDPL.

- *Phương pháp nêu gương*: Lựa chọn những tấm gương “người tốt, việc tốt” điển hình của đơn vị về tôn trọng, thực hiện và bảo vệ pháp luật trong

phạm vi đơn vị mình hoặc gương điển hình của đơn vị bạn để giới thiệu trong toàn đơn vị biết. Có tác dụng giúp SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS nhận thức học tập, noi gương; tránh những cái xấu, các biểu hiện tiêu cực coi thường pháp luật.

- *Phương pháp nói chuyện, trao đổi về pháp luật*: Chủ thể GDPL tổ chức cho SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS nghe nói chuyện, tọa đàm hoặc trao đổi về một vấn đề, sự kiện, tình huống pháp luật xảy ra trong thực tiễn xã hội.

- *Phương pháp rèn luyện, thực hành pháp luật*: Chủ thể GDPL giúp SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS rèn luyện, thực hành các kỹ năng vận dụng kiến thức pháp luật vào giải quyết các công việc cụ thể phát sinh trong đời sống thực tế; qua đó giúp SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS biết cách lựa chọn và thực hiện những hành vi pháp luật đúng đắn, phù hợp với các quy định của pháp luật.

1.3.4. Phương pháp đánh giá kết quả giáo dục pháp luật

Đánh giá kết quả giáo dục pháp luật là một khâu quan trọng trong quá trình GDPL. Việc kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục pháp luật không chỉ nhằm mục đích đánh giá kết quả quá trình học tập, tiếp thu kiến thức pháp luật của SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS mà còn là nguồn thông tin ngược (phản hồi) giúp chủ thể làm công tác GDPL nắm bắt được chất lượng, phương pháp của việc giảng dạy để từ đó có những điều chỉnh thích hợp cho công tác giảng dạy của mình. Như vậy việc đánh giá kết quả GDPL của người học có mối quan hệ chặt chẽ với việc giảng dạy của chủ thể làm công tác GDPL.

Đánh giá kết quả của giáo dục pháp luật phải bảo đảm các yêu cầu sau:

Thứ nhất, tính quy chuẩn: Phải đảm bảo mục tiêu hoạt động dạy và học, đảm bảo lợi ích của người được đánh giá và phát triển được.

Thứ hai, tính khách quan: là yêu cầu đương nhiên của mọi cuộc đánh giá. Nếu việc đánh giá khách quan sẽ có tác dụng kích thích động cơ và tính tích cực học tập của người học. Đồng thời duy trì và phát triển mối quan hệ thân thiện, đoàn kết giữa các học viên. Ngược lại nếu đánh giá thiếu tính khách quan sẽ dễ nảy sinh các tác động xấu, tiêu cực đến hoạt động của người học, làm giảm hiệu quả đích thực của học tập. Tính khách quan của việc đánh giá phụ thuộc vào phẩm chất, năng lực nghiệp vụ của người đánh giá, phụ thuộc vào tính quy chuẩn của việc đánh giá và phụ thuộc vào quan điểm, phương pháp, phương tiện đánh giá.

Thứ ba, tính xác nhận và phát triển: Tính xác nhận là việc đánh giá phải khẳng định được nội dung được đánh giá so với mục tiêu đánh giá và nguyên nhân của hiện trạng đó, dựa trên những tư liệu khoa học chính xác và các lập luận xác đáng. Tính phát triển: giúp cho người được đánh giá không chỉ nhận ra hiện trạng cái mình đạt được mà còn có niềm tin vào khả năng trong việc tiếp tục phát triển hoặc khắc phục những điểm không phù hợp.

1.3.4.1. Phương pháp đánh giá kết quả đối với học viên

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của học viên là một khâu quan trọng nhằm xác định mức độ hiểu biết về kiến thức, kỹ năng, và khả năng vận dụng của học viên. Đối với học viên, nhân vật trung tâm của quá trình dạy học, kiểm tra, đánh giá có tác dụng thúc đẩy quá trình học tập phát triển không ngừng. Qua kết quả kiểm tra, học viên tự đánh giá mức độ đạt được của bản thân, để có phương pháp tự thay đổi lại cách học, cách tiếp thu kiến thức.

Các hình thức tổ chức đánh giá kết quả đối với học viên là:

- *Hình thức thi viết*: Đây là hình thức được áp dụng khá phổ biến. Theo hình thức này chủ thể làm công tác GDPL cho một đề thi có thể là tự luận hoặc trắc nghiệm. Thời gian làm bài tùy theo đề thi nhưng được giới hạn từ 60 đến 180 phút. Phương pháp này có ưu điểm là tạo cho học viên có điều

kiện trình bày các vấn đề đã học một cách chủ động, rèn luyện khả năng lập luận logic, phân tích, tổng hợp kiến thức môn học. Hạn chế của hình thức này là tính chính xác và khách quan trong đánh giá bị hạn chế. Do số lượng câu hỏi trong một đề thi không nhiều và không bao trùm toàn bộ nội dung môn học nên dễ đưa đến tình trạng học tủ, quay cóp. Vì thời gian thi có hạn, khối lượng kiến thức của môn học được yêu cầu trong đề thi chỉ chiếm một phần rất nhỏ trong toàn bộ chương trình của môn học nên kết quả thi có khi không phản ánh đúng chất lượng của người học. Do vậy, khả năng có những học viên bị điểm kém chưa chắc đã kém hơn so với học viên thi cùng môn học được điểm cao do “trúng tủ”.

- *Hình thức thi vấn đáp*: Hình thức này có ưu điểm là có thể kiểm tra kiến thức của học viên tương đối rộng, tạo cho học viên có khả năng phản xạ trước các vấn đề, khắc phục được việc học tủ trong học viên và kết quả học tập được công bố nhanh, xác định tương đối chính xác kết quả học tập của học viên. Tuy nhiên, hình thức này lại đòi hỏi thời gian tổ chức thi dài, vì vậy đối với đối tượng GDPL đông, chủ thể làm công tác GDPL không nhiều thì khó thực hiện, bên cạnh đó hình thức này cũng có những hạn chế là không tạo cho học viên có tư duy hệ thống vì thời gian trả lời các câu hỏi thi của mỗi học viên ngắn nên các vấn đề trả lời chỉ là các ý, tản mạn, hạn chế khả năng lập luận của học viên và việc đánh giá phụ thuộc vào ý thức chủ quan của đối tượng làm công tác GDPL.

- *Thi trắc nghiệm khách quan*: phương pháp này thường áp dụng trong kiểm tra học trình để kiểm tra các kiến thức đã được học. Phương pháp này có ưu điểm: Học viên dành nhiều thời gian để đọc và suy nghĩ, lựa chọn câu trả lời đúng nhất trong số những câu trả lời gợi ý; số lượng câu hỏi nhiều, bao quát được kiến thức của chương trình; học viên trả lời ngắn gọn; người soạn có điều kiện tự do bộc lộ kiến thức và các giá trị của mình thông qua việc đặt

câu hỏi; người chấm ít tốn công và kết quả chấm là khách quan vì không bị ảnh hưởng tâm lý khi chấm. Nhược điểm của phương pháp này là: Chất lượng của bài trắc nghiệm được xác định phần lớn dựa vào kỹ năng của người soạn thảo; người ra đề tốn nhiều công sức và thời gian; cho phép và đôi khi khuyến khích sự phỏng đoán của học viên.

1.3.4.2. Phương pháp đánh giá kết quả đối với SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS.

Thông qua kiểm tra tại chức cuối năm bằng hình thức viết bài thu hoạch đối với sĩ quan cao cấp (từ thượng tá trở lên); tổ chức thi viết đối với sĩ quan (từ trung tá trở xuống), QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS. Phương pháp này có ưu điểm là tạo cho SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS có điều kiện trình bày các vấn đề đã nghiên cứu một cách chủ động, rèn luyện khả năng lập luận logic, phân tích, tổng hợp kiến thức và đưa ra những quan điểm liên hệ vận dụng trong thực tế đơn vị, có ý nghĩa thiết thực trong hoạt động thực tiễn. Tuy nhiên, phương pháp này hạn chế về nội dung kiến thức kiểm tra không bao hàm hết các kiến thức về GDPL đã được nghiên cứu và học tập.

1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam

Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam luôn chịu sự tác động, ảnh hưởng của nhiều yếu tố, bao gồm các yếu tố chủ quan và yếu tố khách quan. Tuy nhiên, sự phân chia các yếu tố khách quan và chủ quan chỉ có ý nghĩa tương đối; về cơ bản các yếu tố này luôn đan xen lẫn nhau và có quan hệ mật thiết với nhau. Xem xét, đánh giá đúng đắn sự ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan và khách quan là cơ sở khoa học, thực tiễn để xây dựng các giải pháp bảo đảm hiệu quả công tác giáo dục pháp luật.

1.4.1. Yếu tố chủ quan:

Là các yếu tố tồn tại bên trong ý thức của các chủ thể GDPL và đối tượng GDPL, chi phối hoạt động thực tiễn của họ; từ đó, ảnh hưởng tới chất

lượng, hiệu quả GDPL cho chính đối tượng. Yếu tố chủ quan trước hết biểu hiện ở trình độ học vấn:

Đối với chủ thể làm công tác GDPL cho HV, SQ, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam, trình độ học vấn có ảnh hưởng quyết định đối với chất lượng, hiệu quả GDPL. Thước đo đánh giá trình độ học vấn của các chủ thể tham gia GDPL không chỉ là tri thức, hiểu biết nói chung, mà phải biểu hiện cụ thể ở trình độ kiến thức, hiểu biết pháp luật của họ. Trình độ học vấn của các chủ thể tham gia GDPL càng cao thì chất lượng hiệu quả GDPL sẽ càng tốt. Kiến thức, hiểu biết pháp luật ở trình độ cao giúp cho chủ thể GDPL chủ động, tự tin khi giảng bài, trò chuyện, trao đổi xung quanh các vấn đề pháp luật với SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS, biết cách phân tích lý giải những nội dung pháp luật cần phổ biến, giáo dục. Ngược lại, nếu chủ thể GDPL có kiến thức, hiểu biết pháp luật ở trình độ thấp thì sẽ khó khăn trong quá trình tham gia GDPL.

Đối tượng GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS với tư cách là đối tượng tiếp nhận GDPL, trình độ học vấn của họ cũng ảnh hưởng không nhỏ đến chất lượng, hiệu quả GDPL. Trình độ học vấn, khả năng tiếp thu kiến thức cao thì càng thuận lợi cho việc tiếp thu nắm bắt những khái niệm, thuật ngữ pháp lý. Ngược lại, trình độ học vấn thấp sẽ tiếp thu tri thức pháp luật khó khăn hơn.

Ngoài ra yếu tố chủ quan còn biểu hiện ở tâm lý của chủ thể GDPL như đội ngũ giảng dạy trực tiếp có nhiệt huyết với công tác hay không; sự quan tâm, phối hợp của các phòng, khoa, cá nhân có liên quan trong công tác GDPL. Yếu tố đặc điểm về tâm lý, sinh lý của đối tượng GDPL.

1.4.2. Yếu tố khách quan:

Là các yếu tố tồn tại bên ngoài nhận thức, quan niệm của chủ thể GDPL và đối tượng tiếp nhận GDPL. Yếu tố khách quan bao gồm:

Một là, các yếu tố thuộc về nhà trường như: cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giảng dạy; giáo trình và tài liệu tham khảo; đề cương chi tiết môn học với nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục pháp luật, phương pháp đánh giá kết quả học tập; điều kiện tổ chức các hoạt động ngoại khóa... Đây là những yếu tố quan trọng để nâng cao chất lượng GDPL. Xác định đúng nội dung GDPL cho từng đối tượng với hình thức và phương pháp phù hợp thì hiệu quả GDPL sẽ đạt đúng yêu cầu chất lượng. Ngoài ra, cơ sở vật chất tốt, trang thiết bị đầy đủ sẽ tạo điều kiện tốt cho giảng viên nâng cao chất lượng giảng dạy, giúp người học dễ tiếp thu kiến thức hơn. Ngược lại, điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho giảng dạy hạn chế, tài liệu tham khảo thiếu sẽ khó khăn cho giảng viên trong quá trình truyền thụ kiến thức cho người học, dẫn đến chất lượng GDPL không cao.

Hai là, các yếu tố thuộc về người học như: môi trường sống, yếu tố tác động của gia đình, xã hội... Yếu tố về môi trường sống và sự tác động của gia đình, xã hội có ảnh hưởng trực tiếp đến trạng thái tâm lý của đối tượng GDPL. Môi trường sống tốt, sự tác động tích cực từ phía gia đình và xã hội là cơ sở giúp cho đối tượng GDPL xây dựng nên niềm tin đối với pháp luật, đối tượng GDPL xác định rõ được vai trò của bản thân trong tuân thủ pháp luật. Ngược lại môi trường sống không tốt, sự tác động tiêu cực của gia đình và xã hội đến chủ thể GDPL sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quá trình tiếp thu kiến thức, nhận thức sai lệch, trái chiều, dẫn đến mất niềm tin đối với pháp luật, dễ nảy sinh những hành vi tiêu cực; dễ dẫn đến vi phạm pháp luật, kỷ luật quân đội.

Ba là, yếu tố chính sách và pháp luật đã được Đảng, Nhà nước chỉ đạo đúng hướng và tích cực đối với công tác phổ biến, giáo dục pháp luật.

Văn bản chỉ đạo của Nhà nước, ngày 07/12/2007, Chính phủ ra Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32/CT-TW của Ban bí thư Trung ương Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật ,

nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ và nhân dân. Ngày 20/11/2009 Thủ tướng chính phủ ra quyết định số 1928/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án nâng cao chất lượng công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường. Căn cứ vào hai văn bản này, Bộ Giáo dục đào tạo đã bổ sung môn Pháp luật đại cương thành môn học bắt buộc trong chương trình đào tạo của tất cả các ngành học [21, tr.7].

Công tác giáo dục pháp luật trong quân đội luôn được lãnh đạo Bộ Quốc phòng quan tâm, chỉ đạo sát sao và có cơ sở pháp lý vững chắc.

Căn cứ vào Nghị định số 41/CP ngày 05/7/1996 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Quốc phòng; căn cứ vào Chỉ thị số 02/1998/CP-TTg và Quyết định số 03/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ tướng Chính phủ và để triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong Quân đội, ngày 15/4/1998 Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ra Quyết định số 492/1998/QĐ-BQP về việc thành lập Hội đồng phối hợp công tác phổ biến giáo dục pháp luật Bộ Quốc phòng, Quyết định đã quy định nhiệm vụ và quyền hạn cụ thể về xây dựng kế hoạch, triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật của Hội đồng.

Để thực hiện Chỉ thị số 02/1998/CT-TTg và Quyết định số 03/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ra Chỉ thị số 785/1998/CT-BQP ngày 26/6/1998 về việc triển khai công tác phổ biến giáo dục pháp luật trong Quân đội và Quốc phòng từ năm 1998 đến năm 2000.

Căn cứ vào Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg về Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003 đến năm 2007, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đã ra Chỉ thị số 21/2003/CT-BQP về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong quân đội và dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên từ năm 2003 đến năm 2007 với mục tiêu cơ bản là: “Phổ cập kiến thức cơ bản về pháp luật và phổ biến kịp thời, đầy đủ những nội dung pháp luật có liên quan

đến học tập, công tác và cuộc sống, sinh hoạt hàng ngày cho sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, cán bộ, công chức quốc phòng, công nhân viên quốc phòng, hạ sĩ quan, binh sĩ và dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên trong thời gian tập trung huấn luyện nhằm bồi dưỡng, nâng cao nhận thức, kiến thức pháp luật cho mỗi người, xây dựng ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; góp phần đấu tranh phòng ngừa và chống các hành vi vi phạm pháp luật của Nhà nước, kỷ luật của Quân đội, phục vụ sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

Ngày 22 tháng 4 năm 2008 Bộ trưởng đã có Chỉ thị số 63/2008/CT-BQP về việc triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Quân đội và lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ từ năm 2008 đến năm 2012.

Hằng năm, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng đều ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của năm đối với toàn quân.

Ngày 20 tháng 1 năm 2011, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Chỉ thị số 04/CT-BQP về việc triển khai thực hiện “Ngày pháp luật” trong Quân đội. Theo đó, từ năm 2011 toàn quân thực hiện và thống nhất tên gọi của mô hình phổ biến, giáo dục pháp luật này trong Quân đội là “Ngày pháp luật” và được tổ chức định kỳ mỗi tháng một lần. Điều này cho thấy Bộ Quốc phòng rất quan tâm đến công tác giáo dục pháp luật trong Quân đội.

Ngày 30/3/2016 Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư số 42/2016/TT-BQP Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Bộ Quốc phòng. Thông tư này quy định chế độ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; Ngày Pháp luật; tủ sách pháp luật; Hội đồng Phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật; báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân; một số biện pháp bảo đảm công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Bộ Quốc phòng.

Ngày 05 tháng 12 năm 2017 Cục Nhà trường, Bộ Tổng tham mưu ban hành Kế hoạch số: 1814/KH-NT Kế hoạch tiếp tục thực hiện đề án “Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường đến năm 2021 của quân đội”.

Theo Chiến lược xây dựng và hoàn thiện pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020 và Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Nhà nước đẩy mạnh công tác lập pháp trong đó ưu tiên hệ thống pháp luật về quân sự, quốc phòng. Những văn bản pháp luật mới đó cần được nhanh chóng phổ biến, tuyên truyền đến mọi cán bộ, sĩ quan, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam.

Trên đây là những tiêu chí chủ yếu để đánh giá chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam. Dựa trên các tiêu chí đó để đánh giá đúng chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay; là cơ sở để tìm ra nguyên nhân, rút ra kinh nghiệm và xác định giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam.

Tiểu kết chương 1

Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là hoạt động có định hướng, có tổ chức, do các chủ thể GDPL tiến hành theo chương trình, nội dung, phương pháp và hình thức nhất định phù hợp với đặc điểm của từng đối tượng GDPL, hình thành và phát triển ở sĩ quan, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS hệ thống tri thức pháp luật, trình độ hiểu biết pháp luật, ý thức pháp luật, tình cảm pháp luật và hành vi phù hợp với các yêu cầu của pháp luật hiện hành, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của sĩ quan, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong quan hệ pháp luật.

Giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là hoạt động có định hướng, có mối quan hệ biện chứng giữa điều kiện khách

quan và nhân tố chủ quan. Quá trình GDPL được tạo thành bởi các yếu tố: mục đích, đối tượng, chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp giáo dục, phương pháp đánh giá kết quả GDPL. Có những đặc trưng riêng và có vai trò quan trọng biểu hiện ở các phương diện: (1)GDPL góp phần bồi dưỡng, nâng cao tri thức, tình cảm, niềm tin vào pháp luật cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS, từ đó nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật. (2)GDPL là cầu nối giữa việc ban hành pháp luật và đưa pháp luật vào cuộc sống. (3)GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam góp phần nâng cao trình độ chính quy, xây dựng Nhà trường tiên tiến, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Hoạt động GDPL cho SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam là yêu cầu khách quan có ý nghĩa quan trọng và cấp bách xuất phát từ vai trò của GDPL, từ yêu cầu của sự nghiệp đổi mới; yêu cầu xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng trong tình hình mới.

Chương 2

THỰC TRẠNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN KHU VỰC PHÍA NAM CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM

2.1. Khái quát về các trường sĩ quan khu vực phía Nam của Quân đội nhân dân Việt Nam

Sự nghiệp xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, đòi hỏi cấp thiết phải nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam. Đây là một nội dung quan trọng của công tác giáo dục chính trị, nhằm trang bị bồi dưỡng tri thức, tình cảm, niềm tin và ý chí pháp luật cho quân nhân. Hệ thống các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam gồm:

- Trường Sĩ quan Lục quân 1 là trường đào tạo bậc đại học quân sự trực thuộc Bộ Quốc phòng, đào tạo sĩ quan chỉ huy lục quân cấp phân đội (trung đội, đại đội, tiểu đoàn) ở khu vực phía Bắc.

- Trường Sĩ quan Lục quân 2 là trường đào tạo sĩ quan chỉ huy lục quân bậc đại học quân sự trực thuộc Bộ Quốc phòng ở khu vực phía Nam.

- Trường Sĩ quan không quân là trường đại học quân sự trực thuộc Quân chủng Phòng không - Không quân, chuyên đào tạo phi công quân sự, sĩ quan kỹ thuật hàng không trình độ đại học quân sự và cao đẳng kỹ thuật cho quân đội.

- Trường Đại học Kỹ thuật quân sự trực thuộc Tổng cục Kỹ thuật.

- Trường Sĩ quan Tăng - Thiết giáp, trực thuộc binh chủng Tăng - Thiết giáp, là trường đào tạo sĩ quan chỉ huy chiến thuật tăng và thiết giáp cấp phân đội, trình độ cử nhân quân sự, bậc đại học và cao đẳng.

- Trường Sĩ quan Công Binh là trường đại học quân sự trực thuộc Binh chủng Công binh.

- Trường Sĩ quan Phòng hóa trực thuộc Binh chủng Hóa học, đào tạo sĩ quan chỉ huy kỹ thuật hóa học trình độ đại học quân sự và trung học chuyên nghiệp, các chuyên ngành: Khai thác sửa chữa khí tài Phòng hoá; Phân tích chất độc quân sự.

- Trường Sĩ quan Pháo binh trực thuộc Binh chủng Pháo binh, đào tạo sĩ quan chỉ huy chiến thuật cấp phân đội chuyên ngành pháo binh; Đào tạo chuyển loại cán bộ chính trị pháo binh; Đào tạo cán bộ tên lửa mặt đất và tên lửa chống tăng.

- Trường Đại học Chính trị là trường đại học trực thuộc Bộ Quốc phòng, có nhiệm vụ đào tạo chính trị viên, giáo viên khoa học xã hội và nhân văn quân sự cấp phân đội cho Quân đội nhân dân Việt Nam. Đào tạo sĩ quan chính trị cấp phân đội (chính trị viên đại đội, tiểu đoàn) trình độ đại học và cao đẳng.

- Trường Sĩ quan Đặc công là trường đào tạo Sĩ quan trực thuộc Binh chủng Đặc Công, đào tạo sĩ quan chiến thuật đặc công cấp phân đội các chuyên ngành: Đặc công bộ; Đặc công nước; Đặc công biệt động.

- Trường Sĩ quan Thông tin là trường đại học quân sự trực thuộc Binh chủng Thông tin, là trường đào tạo sĩ quan, trình độ cử nhân quân sự chuyên ngành chỉ huy tham mưu thông tin liên lạc.

Các trường sĩ quan khu vực phía Nam nằm trong hệ thống các trường sĩ quan quân đội có những đặc điểm chuyên biệt về đối tượng, ngành, lĩnh vực đào tạo bao gồm ba trường:

Một là: Trường Sĩ quan Lục quân 2: biên chế gồm 06 phòng, 03 ban trực thuộc, 12 khoa, 11 tiểu đoàn, 04 hệ. Đào tạo các đối tượng là: Sĩ quan chỉ huy Binh chủng hợp thành (CHTM Binh chủng hợp thành, trinh sát đặc nhiệm, trinh sát bộ binh); giáo viên quân sự; hoàn thiện đại học SQ phân đội; hoàn thiện ĐH chính trị SQ phân đội, đào tạo giáo viên QPAN; văn bằng 2

giáo dục QPAN; cán bộ chuyển loại chính trị; thạc sĩ nghệ thuật quân sự cấp phân đội. Trong đó đảm nhiệm giảng dạy môn học Nhà nước và pháp luật do tổ bộ môn Nhà nước và pháp luật thuộc khoa Công tác Đảng, công tác Chính trị. Tổ chức, thực hiện kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật cho các đối tượng thuộc quản lý của Văn phòng. Đảm bảo giảng dạy tại chức chính trị cho các đối tượng theo kế hoạch xác định do cơ quan chính trị đảm nhiệm.

Hai là: Trường Sĩ quan Công Binh: biên chế gồm 05 phòng, 03 ban trực thuộc, 08 khoa, 07 tiểu đoàn. Đào tạo các đối tượng: Sĩ quan chỉ huy Công binh cấp phân đội (chuyên ngành: Công trình, cầu đường – vượt sông, xe máy); chỉ huy tham mưu trung, lữ đoàn Công binh; cán bộ chuyển loại chính trị; đào tạo giáo viên QPAN; văn bằng 2 giáo dục QPAN; hoàn thiện đại học SQ phân đội. Môn học Nhà nước và pháp luật do tổ bộ môn Nhà nước và pháp luật thuộc khoa Khoa học xã hội và Nhân văn đảm nhiệm. Tổ chức, thực hiện kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật và giảng dạy tại chức chính trị cho các đối tượng do cơ quan chính trị đảm nhiệm.

Ba là: Trường Đại học Kỹ thuật Quân sự: biên chế gồm 05 phòng, 03 ban trực thuộc, 11 khoa, 05 tiểu đoàn. Đào tạo các đối tượng: Sĩ quan chỉ huy kỹ thuật cấp phân đội (chuyên ngành: Ô tô, tăng thiết giáp, vũ khí bộ binh, đạn); học viên chuyển cấp (cao đẳng lên đại học, trung cấp lên đại học); học viên sơ cấp kỹ thuật; học viên trung cấp kỹ thuật; học viên chuyển loại trung cấp. Môn học Nhà nước và pháp luật do tổ bộ môn Nhà nước và pháp luật thuộc khoa Khoa học xã hội và Nhân văn đảm nhiệm. Tổ chức, thực hiện kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật và giảng dạy tại chức chính trị cho các đối tượng do cơ quan chính trị đảm nhiệm.

2.2. Thực trạng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam

Đảng uỷ, Ban giám hiệu các Nhà trường thường xuyên có Nghị quyết, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; giáo dục

ý thức chấp hành pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, quy định nhà trường, nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật và kỷ luật quân đội, trên cơ sở đó, mọi tổ chức, mọi cán bộ, giảng viên, học viên đều có trách nhiệm bồi dưỡng ý thức pháp luật, nâng cao trình độ nhận thức hiểu biết về những vấn đề mới trong hệ thống pháp luật nhà nước và quy định mới trong hệ thống điều lệnh, điều lệ quân đội. Trên cơ sở xác định các mục tiêu, yêu cầu, nội dung phổ biến giáo dục pháp luật đã được cấp uỷ các cấp cụ thể hoá gắn với đặc thù của đơn vị và đưa vào Nghị quyết lãnh đạo nhiệm kỳ và nghị quyết lãnh đạo hàng năm. Đồng thời, từng quý, hàng tháng, các tổ chức, lực lượng đã căn cứ vào nhiệm vụ, đặc điểm cụ thể của đơn vị để có chủ trương, biện pháp lãnh đạo sát, đúng nhằm nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật cho các đối tượng. Các nghị quyết lãnh đạo thường kỳ, nghị quyết chuyên đề xây dựng chính quy đã giành phần quan trọng bàn về công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật, rèn luyện hành vi, thói quen ứng xử theo pháp luật, kỷ luật của người học viên, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS. Xác định những chủ trương, biện pháp thực hiện tốt công tác phổ biến giáo dục pháp luật, từ đó bồi dưỡng, rèn luyện ý thức chấp hành pháp luật cho các đối tượng.

2.2.1. Thực trạng giáo dục pháp luật theo chương trình chính khóa

Đối với đối tượng học viên đào tạo do kết quả tuyển sinh đầu vào của các trường là khác nhau, do đó chất lượng của học viên chưa đồng đều. Điều đó ảnh hưởng lớn đến việc nhận thức và tiếp thu các môn học, trong đó có môn lý luận Nhà nước và Pháp luật. Để có được đánh giá khách quan, toàn diện tác giả đã tiến hành điều tra khảo sát ở ba trường sĩ quan khu vực phía Nam. Tổng số phiếu phát ra là 450 (trường SQ Lục quân 2: 150 phiếu; trường SQ Công binh: 150 phiếu, trường Đại học Kỹ thuật Quân sự: 150 phiếu); đối tượng điều tra là sĩ quan và học viên (phụ lục).

Qua tiến hành điều tra các trường sĩ quan khu vực phía Nam về tầm quan trọng của môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật, kết quả cho thấy.

Bảng 2.1: Đánh giá tầm quan trọng của môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật.

STT	Đánh giá tầm quan trọng của môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật.	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Mức độ cần thiết của môn học	369	82
2	Tính thiết thực của môn học	293	65,1
3	Mức độ kiến thức	262	58,2
4	Mức độ hứng thú	191	42,4
Tổng số học viên được khảo sát		450	

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả luận văn)

Qua kết quả khảo sát ta thấy tỷ lệ quân nhân nhận thức mức độ cần thiết của môn học là khá cao với 369/450 quân nhân được khảo sát đạt 82%. Từ đó ta thấy môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật có một vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo của các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Số lượng quân nhân chưa nhận thức rõ mức độ cần thiết của môn học là 18%; đây cũng là khó khăn cho giảng viên trong quá trình giảng dạy tạo động cơ, khơi dậy hứng thú học tập cho học viên. Có 293/450 quân nhân ý thức được tính thiết thực của môn học đạt 65,1%; do đó có đến 34,9% quân nhân chưa nhận thức được tính thiết thực của môn học đối với việc rèn luyện phẩm chất, nhân cách và thiết thực trong hoạt động thực tiễn cũng như đối với công việc sau này. Số quân nhân nhận thấy mức độ hứng thú đối với môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật là không cao, chỉ có 191 trong tổng số 450 quân nhân được hỏi, đạt 42,4%; điều này ảnh hưởng rất lớn đến động cơ, thái độ, chất lượng học tập của học viên. Từ kết quả khảo sát trên ta thấy có rất nhiều vấn đề cần phải làm rõ, đánh giá thực chất, khách quan công tác giáo dục pháp

luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam để từ đó tìm ra giải pháp tích cực để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật. Trước hết chúng ta nhìn nhận, đánh giá xem xét giáo dục pháp luật ở góc độ nội dung của GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

2.2.1.1. Nội dung giáo dục pháp luật

Xuất phát từ đặc thù của đối tượng giáo dục, của hoạt động quân sự cũng như mục đích của giáo dục pháp luật trong quân đội mà nội dung của giáo dục pháp luật dành cho đối tượng trong các trường sĩ quan quân đội cũng có những nét đặc thù riêng khác với các đối tượng khác. Đó là ngoài việc phải trang bị những kiến thức pháp luật cơ bản như: luật hiến pháp, luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật an toàn giao thông đường bộ... thì còn phải cung cấp những nội dung cơ bản về quyền và nghĩa vụ của công dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, đối với việc xây dựng nền quốc phòng toàn dân, đường lối chiến tranh nhân dân; xây dựng thể trận quốc phòng toàn dân kết hợp với thể trận an ninh nhân dân, xây dựng quân đội cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; trách nhiệm, nghĩa vụ của quân nhân đối với việc bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh quốc gia... Ngoài ra, còn phải trang bị cho quân nhân nắm được Điều lệnh, Điều lệ Quân đội nhân dân Việt Nam, các qui định của Bộ Quốc phòng đối với quân nhân, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của quân đội, các chỉ thị, mệnh lệnh của các cơ quan cấp trên, các chỉ thị, mệnh lệnh, quy định của lãnh đạo chỉ huy đối với đơn vị. Thêm vào đó, nội dung giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội còn phải được xây dựng xuất phát từ đặc điểm, nhiệm vụ và hoạt động của từng nhóm đối tượng để vừa bảo đảm được yếu tố cơ bản, chuyên sâu vừa thiết thực, hiệu quả.

Hiện nay, các trường sĩ quan quân đội khu vực phía Nam chủ yếu đào tạo kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật với số lượng thời gian không

nhieu từ 45 đến 75 tiết. Chương trình giảng dạy pháp luật gồm những nội dung cơ bản sau: Một số vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật nói chung, nhà nước và pháp luật xã hội chủ nghĩa nói riêng như: Sự ra đời và bản chất của nhà nước và pháp luật; tổ chức bộ máy nhà nước, khái niệm chung về pháp luật xã hội chủ nghĩa, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa; Một số ngành luật cụ thể như: luật Hiến pháp, luật Hình sự và Tổ tụng hình sự, luật Dân sự và Tổ tụng dân sự, pháp luật hành chính quân sự, vấn đề tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do dân chủ của công dân, luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam, Luật hành chính, Luật Nghĩa vụ quân sự và Luật sĩ quan...

Đối tượng là sĩ quan, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS thông qua các buổi học tại chức chính trị, nội dung giáo dục pháp luật tập trung vào việc nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; các nghị quyết, chỉ thị của Quân ủy Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính Trị. Quán triệt, học tập các nội dung của các luật sửa đổi, bổ sung như: Luật Đất đai năm 2013, Luật Thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2013, Luật Xây dựng năm 2014, Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014, Luật Bảo vệ môi trường năm 2014, Luật Sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam năm 2014, Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Luật QNCN, CNVVCQP năm 2015, Luật Tài nguyên và môi trường biển, đảo năm 2015, Luật Phí, lệ phí năm 2015, Luật Tạm giữ, tạm giam năm 2015, Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015, Luật Trưng cầu dân ý năm 2015, Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Mặt trận tổ quốc Việt Nam năm 2015, Luật Tiếp cận thông tin năm 2016, Luật Tín ngưỡng tôn giáo năm 2016... Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của pháp lệnh quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ của Ủy ban Thường vụ Quốc hội số 07/2013/UBTVQH13. Các Thông tư của

Bộ Quốc phòng về quyền và trách nhiệm của Công đoàn; xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển đảo và thềm lục địa; ban hành Điều lệ Công tác Bảo vệ An ninh; quy định về chương trình tập huấn, huấn luyện và tổ chức diễn tập; ban hành quy chế tổ chức vận chuyển cấp cứu người bị thương, bị bệnh trên các vùng biển, đảo, vùng sâu, vùng xa bằng máy bay quân sự... Ngoài ra thực hiện kế hoạch Công tác giáo dục chính trị hàng năm, tổ chức quán triệt các chuyên đề: Nâng cao trình độ, năng lực, phương pháp, tác phong công tác của quân nhân, phấn đấu xứng danh “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới; nội dung cơ bản về tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; nâng cao tinh thần cảnh giác, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn, hoạt động của tổ chức phản động Việt Tân chống phá Đảng, Nhà nước, Quân đội ta; tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; công tác dân vận của Quân đội tham gia xây dựng cơ sở chính trị, phối hợp giải quyết các “điểm nóng” tại cơ sở... Huấn luyện cho Hạ sĩ quan, binh sĩ nội dung các bài chính trị cơ bản: Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới; giữ vững biên giới quốc gia nước Cộng hòa XHCN Việt Nam; nội dung cơ bản của chiến lược Biển Việt Nam đến năm 2020; tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN trong tình hình mới; Chiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch chống phá Việt Nam; Biển, đảo Việt Nam và bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong giai đoạn hiện nay; Xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam; Xây dựng nền văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước; Quan điểm, chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta; Đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta hiện nay; Xây dựng lực lượng dự bị động viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; Phát huy phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” trong thời kỳ mới.

Về giáo trình các trường sử dụng tài liệu lý luận Nhà nước và Pháp luật do Tổng cục Chính trị biên soạn, giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật của đại học Luật Hà nội. Tuy vậy giáo trình còn lạc hậu, chậm đổi mới nên chưa đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn, chưa kịp thời cập nhật những quy định mới của pháp luật.

Bên cạnh đó, còn một số mặt hạn chế như: Tính hệ thống trong cơ cấu nội dung giáo dục pháp luật chưa cao. Vì điều kiện thời gian và khâu tổ chức biên soạn nên nhìn chung nội dung giáo dục pháp luật chưa mang tính hệ thống ở mức cần thiết (từ nhận thức chung về nhà nước, pháp luật đến những vấn đề về chấp pháp hình sự cụ thể ở đơn vị cơ sở). Do đó, kiến thức pháp luật còn chắp vá. Các văn bản mới về pháp luật liên quan đến đời sống, hoạt động thực tiễn chậm được bổ sung, cập nhật. Tình trạng vi phạm các quy định của đơn vị còn xảy ra là một trong những nguyên nhân của vấn đề trên. Đây là vấn đề chúng ta phải nghiêm túc nghiên cứu để xây dựng chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật trong thời gian tới đảm bảo tính thống nhất. Hoạt động giáo dục pháp luật chủ yếu vào việc phổ biến các quy định pháp luật nhiều hơn là giáo dục; chỉ chuyển đến đối tượng nội dung máy móc chứ không phải là tinh thần của pháp luật cho nên đối tượng khó tiếp thu, khó khăn trong nhận thức. Trong giáo dục pháp luật coi trọng trang bị cho đối tượng hiểu biết pháp luật mà chưa đề cao giáo dục tình cảm, lòng tin pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật.

2.2.1.2. Hình thức giáo dục pháp luật

Trên cơ sở nội dung chương trình GDPL đã được xác định việc lựa chọn hình thức giáo dục pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong việc chuyển tải thông tin để đạt hiệu quả trong công tác giáo dục pháp luật. Qua nghiên cứu công tác giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan quân đội khu vực phía Nam, những năm qua được tiến hành theo các hình thức chủ yếu sau: Dạy và

học pháp luật: lên lớp, thảo luận, trao đổi về các chủ đề pháp luật, tập xử lý tình huống pháp lý xảy ra trong cuộc sống. Ngoài ra các cơ quan, đơn vị còn vận dụng đa dạng các hình thức khác nhau như: Sinh hoạt chính trị tư tưởng, “Ngày văn hoá chính trị tinh thần ở cơ sở”, “Ngày pháp luật”, thông báo chính trị thời sự, đọc báo, nghe đài, xem truyền hình... để giáo dục, quán triệt các nội dung kiến thức, văn bản pháp luật cho học viên; gắn giáo dục chung với giáo dục riêng, giáo dục pháp luật với giáo dục chính trị tư tưởng và các hoạt động bổ trợ. Tổ chức trao đổi, tọa đàm, giao lưu, chủ động lồng ghép các mục tiêu, chỉ tiêu về chấp hành pháp luật, kỷ luật vào nội dung các phong trào, các cuộc vận động như: cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, cuộc vận động “Hai không” của ngành giáo dục, chống “diễn biến hòa bình”...góp phần tạo nên sự chuyển biến tích cực về chấp hành kỷ luật và xây dựng chính quy ở đơn vị. Tổ chức các hoạt động thư viện, phòng đọc, tủ sách, ngăn sách pháp luật; truyền thanh nội bộ, panô, áp phích; gắn “xây dựng Đảng, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện” với xây dựng cảnh quan, môi trường văn hoá trong đơn vị, ký cam kết không vi phạm pháp luật, kỷ luật, chấp hành nghiêm quy định an toàn giao thông nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo môi trường thuận lợi cho giáo dục, rèn luyện, thực hiện nếp sống văn hoá quân sự “sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, “hành động theo điều lệnh”. Tham gia các cuộc thi tìm hiểu pháp luật do địa phương nơi đóng quân tổ chức, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật theo hướng dẫn của Tổng cục Chính trị; hưởng ứng các phong trào thi đua thực hiện nghiêm kỷ luật quân đội, pháp luật của nhà nước; tham gia đóng góp vào các dự thảo luật; tổ chức các buổi diễn đàn, hái hoa dân chủ có các chủ đề liên quan tới pháp luật; hoạt động duy trì điều lệnh, kỷ luật của quân đội, xử lý các vi phạm nảy sinh trong đơn vị.

Để có cơ sở đầy đủ cho việc đánh giá hình thức giáo dục tại các trường sĩ quan khu vực phía Nam, tác giả luận văn đã tiến hành khảo sát mức độ phù hợp của hình thức giáo dục pháp luật cho các đối tượng, cụ thể:

Bảng 2.2: Hình thức giáo dục pháp luật

STT	Hình thức giáo dục	Số lượng Quân nhân	Tỷ lệ(%)
01	Phù hợp	247	54,9
02	Tương đối phù hợp	161	35,8
03	Không phù hợp	42	9,3
04	Khó đánh giá	0	0
	Tổng số quân nhân được khảo sát	450	

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả luận văn)

Qua kết quả khảo sát ta thấy trong các phương án có 54,9% quân nhân cho rằng hình thức giáo dục pháp luật là phù hợp, có 35,8% cho rằng hình thức GDPL là tương đối phù hợp, chỉ có 42/450 quân nhân được khảo sát cho rằng không phù hợp đạt 9,6%. Như vậy, đa số quân nhân đều đồng tình với hình thức giáo dục mà các chủ thể ở các trường sĩ quan khu vực phía Nam đang tiến hành.

Tuy nhiên hình thức phổ biến, GDPL ở một số đơn vị trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam thời gian qua chưa thật sự phong phú, hấp dẫn, lôi cuốn mọi đối tượng tham gia. Hình thức GDPL còn đơn điệu; chất lượng chưa cao, chưa gắn giáo dục chính trị, tư tưởng với giáo dục pháp luật; giáo dục cơ bản với giáo dục thường xuyên. Sự đơn điệu trong hình thức giáo dục pháp luật đã làm hạn chế rất nhiều đến việc tiếp nhận tri thức pháp luật của quân nhân. Chưa thực sự có hình thức giáo dục, tuyên truyền pháp luật nào mang tính chuyên sâu theo chuyên đề hoặc cho một đối tượng cụ thể mà chỉ lồng ghép vào hoạt động tuyên truyền công tác đảng, công tác chính trị. Sự

phối hợp giữa các chủ thể để tuyên truyền, giáo dục pháp luật còn chưa thực sự đồng bộ, chưa phát huy hết khả năng của các chủ thể và các điều kiện vật chất, phương tiện để đạt hiệu quả cao.

2.2.1.3. Phương pháp giáo dục pháp luật

Thực tiễn giáo dục pháp luật cho các đối tượng trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam có nhiều phương pháp được sử dụng như: phương pháp giảng dạy thông qua việc giảng bài trên lớp của đội ngũ giảng viên bộ môn Nhà nước và Pháp luật, phương pháp giáo dục thuyết phục, nêu gương, động viên thi đua, tranh luận đối thoại, xử phạt bắt buộc, mệnh lệnh hành chính ...

Kết quả khảo sát về tính phù hợp của việc vận dụng các phương pháp giáo dục trong tổ chức hoạt động thực tiễn ở các trường sĩ quan khu vực phía Nam cho thấy có tới 48,7% quân nhân cho rằng phương pháp GDPL là phù hợp, chỉ có 9,5% cho rằng phương pháp GDPL là chưa phù hợp. Như vậy đa số đều đồng tình với phương pháp giáo dục pháp luật mà chủ thể GDPL của các trường sĩ quan khu vực phía Nam đang tiến hành.

Bảng 2.3 Phương pháp giáo dục pháp luật

STT	Phương pháp giáo dục	Số lượng Quân nhân	Tỷ lệ(%)
01	Phù hợp	219	48,7
02	Tương đối phù hợp	188	41,8
03	Không phù hợp	43	9,5
04	Khó đánh giá	0	0
	Tổng số quân nhân được khảo sát	450	

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả luận văn)

Đối với phương pháp giảng dạy thông qua việc giảng bài trên lớp của đội ngũ giảng viên bộ môn Nhà nước và Pháp luật trong các trường sĩ quan

khu vực phía Nam trong những năm qua đã có những thay đổi tích cực, tạo sự chuyển biến nhất định nâng cao chất lượng GDPL. Đội ngũ cán bộ, giảng viên của bộ môn đã có nhiều biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy, vận dụng bài giảng trình chiếu Powerpoint, tổ chức biên soạn bài giảng điện tử, thảo luận, đòi hỏi người học phải có tư duy khái quát, vận dụng kiến thức pháp luật vào xử lý các tình huống thực tiễn trong công tác hàng ngày.

Tuy nhiên, phương pháp giảng dạy vẫn còn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập như: Phương pháp giảng dạy về cơ bản vẫn là độc thoại thuyết trình, truyền thụ một chiều; giảng viên giảng, học viên ghi nên chưa khơi dậy được tính chủ động tích cực của học viên trong việc tìm tòi tự nghiên cứu học tập. Phương pháp tương tác hai chiều dạng thảo luận nhóm, tranh luận, giải quyết tình huống pháp luật thực tế hay những hoạt động sắm vai, câu hỏi gợi mở, nêu vấn đề, tổ chức các trò chơi như: trò chơi ô chữ, sắm vai, đuổi hình bắt chữ...còn ít được vận dụng. Giảng viên lên lớp còn nặng về dạy học, chứ không phải giáo dục pháp luật, mang tính tuyên truyền, trình bày chi tiết, cặn kẽ, giúp người học tiếp thu nắm vững kiến thức pháp luật. Do đó GDPL mới chỉ đạt được mục tiêu nâng cao hiểu biết các nội dung về pháp luật mà chưa thực sự giáo dục được ý thức, thái độ, hành vi, kỹ năng thực hiện pháp luật.

Phương pháp giáo dục thuyết phục kết hợp chặt chẽ với rèn luyện, xử phạt bắt buộc, mệnh lệnh hành chính trong quản lý, chỉ huy hình thành ở mỗi quân nhân thái độ đúng đắn trong chấp hành kỷ luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật. Các cơ quan, đơn vị đã vận dụng linh hoạt, kết hợp chặt chẽ các cách thức, phương pháp tổ chức thực hiện phù hợp với từng đối tượng cụ thể, nên đã mang lại hiệu quả thiết thực trong giáo dục pháp luật cho mọi quân nhân trong đơn vị. Chất lượng của các phương pháp giáo dục pháp luật và sự kết hợp với hình thức giáo dục pháp luật đã đạt được những thành tựu nhất định, nâng cao hiệu quả công tác giáo dục pháp luật.

Tuy nhiên, công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cho một số đối tượng chưa kịp thời, chưa tập trung ở một số nội dung chủ yếu, chưa đi vào chiều sâu của từng lĩnh vực và từng loại đối tượng. Công tác nắm bắt, phát hiện giải quyết các vấn đề tư tưởng nảy sinh của bộ đội ở một số cơ quan, đơn vị chưa kịp thời, nhạy bén, việc xử lý kỷ luật để giáo dục răn đe, phòng ngừa còn hạn chế; thậm chí có đơn vị sợ mất thành tích không báo cáo trung thực, che giấu khuyết điểm làm hạn chế đến hiệu quả giáo dục pháp luật.

2.2.1.4. Phương pháp đánh giá kết quả giáo dục pháp luật

Kiểm tra đánh giá kết quả giáo dục pháp luật là một khâu quan trọng nhằm xác định mức độ hiểu biết về kiến thức, kỹ năng và khả năng vận dụng pháp luật của đối tượng giáo dục pháp luật. Quá trình đào tạo và đánh giá kết quả đào tạo thực hiện theo Quyết định số 25/2006/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ Giáo dục và đào tạo Ban hành quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy. Ngày 07 tháng 9 năm 2006 Bộ Quốc phòng ra Quyết định số: 149/2006/QĐ-BQP Quyết định về việc ban hành Quy chế Tổ chức đào tạo, kiểm tra, thi, công nhận tốt nghiệp các đối tượng đào tạo theo chức vụ trong nhà trường quân đội. Trên cơ sở đó, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả của các trường sĩ quan khu vực phía Nam thực hiện trên cơ sở căn cứ pháp lý của hai quyết định trên.

Hiện nay, các trường sĩ quan khu vực phía Nam nói riêng và các trường sĩ quan của quân đội nhân dân Việt Nam nói chung đang rất quan tâm đến phương pháp đánh giá kết quả của công tác giáo dục pháp luật. Đây là cơ sở để các trường đánh giá được mức độ hiệu quả của công tác giáo dục pháp luật, trên cơ sở đó thực hiện những điều chỉnh cần thiết, thiết thực nhằm hướng quá trình truyền thụ và tiếp thu, vận dụng kiến thức pháp luật vào thực tiễn hoạt động công tác đạt hiệu quả cao hơn.

Trước hết, đối với đối tượng là học viên đào tạo, quá trình đánh giá nhằm thúc đẩy người học là đối tượng học viên có động cơ học tập, kịp thời

thông báo cho học viên biết tình hình học tập, nhận ra những nội dung nào chưa tốt cần phải đầu tư nghiên cứu để chất lượng học tập tốt hơn. Đồng thời giúp người học có ý thức trách nhiệm hơn trong đánh giá năng lực thực tiễn của bản thân trong quá trình tiếp thu kiến thức, từ đó xây dựng thói quen tự đánh giá, nâng cao tinh thần trách nhiệm đối với bản thân trong quá trình học tập.

Phương pháp các trường sĩ quan khu vực phía Nam sử dụng để đánh giá kết quả đối với môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật đó là: Kiểm tra miệng; kiểm tra giữa học phần; kiểm tra kết thúc môn học (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, tự luận và trắc nghiệm).

Kiểm tra miệng: là phương pháp đánh giá rất phổ biến trong dạy học. Giáo viên đưa ra các câu hỏi ngắn để học viên trả lời. Học viên có thể được chuẩn bị, hoặc không được chuẩn bị trước câu hỏi. Căn cứ vào câu trả lời, giáo viên có thể đo lường và đánh giá các kết quả đạt được ở học viên. Phương pháp này có ưu điểm là linh hoạt, cơ động, có thể kiểm tra trí nhớ, tư duy và khả năng nhận thức của học viên thông qua kiến thức đã học. Giảng viên có điều kiện trao đổi với từng học viên và kích thích tư duy của học viên. Tuy nhiên phương pháp này mang đậm tính chủ quan của giáo viên (cách đặt câu hỏi, nhận xét và đánh giá tức thời), phương pháp này khó so sánh trình độ nhận thức giữa các học viên và tốn nhiều thời gian trong quá trình kiểm tra. Bên cạnh đó còn có những học viên ngại tiếp xúc, ngại nói trước mặt giáo viên nên dễ ảnh hưởng đến kết quả kiểm tra.

Kiểm tra giữa học phần là cách giảng viên đưa ra những câu hỏi trong phạm vi nội dung đã học, học viên trả lời bằng hình thức tự luận. Kết quả của bài kiểm tra giữa học phần được tính bằng 30% kết quả của môn học. Phương pháp kiểm tra giữa học phần nhằm giúp giảng viên thông qua đó có thể biết được mức độ học viên lĩnh hội kiến thức chiếm tỷ lệ bao nhiêu so với mục

tiêu mình đặt ra trong giảng dạy. Tạo điều kiện cho người dạy nắm vững hơn tình hình học tập của học viên: khi giảng viên biết học viên đang tiến triển trong quá trình học như thế nào, và gặp khó khăn ở chỗ nào, giảng viên có thể sử dụng những thông tin này để điều chỉnh việc giảng dạy cần thiết, chẳng hạn như dạy lại hay thử các phương pháp khác, hay cung cấp cho học viên thêm nhiều cơ hội hơn nữa để thực hành. Những hoạt động này có thể giúp cho việc học tập của học viên thành công, hoàn thiện hơn. Đồng thời kết quả của bài kiểm tra cung cấp thông tin phản hồi có tác dụng đánh giá quá trình học của học viên, giúp học viên nhận thức được các lỗ hổng về kiến thức, hiểu biết hay kỹ năng mà học viên đang có so với mục tiêu được mong đợi, từ đó hướng dẫn học viên có những điều chỉnh cần thiết để nâng cao chất lượng học tập.

Kiểm tra kết thúc môn học (Kết quả kiểm tra được tính bằng 70% kết quả của môn học) bao gồm các hình thức thi: Tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp.

- Hình thức thi tự luận là hình thức học viên tự do viết câu trả lời ra giấy về một vấn đề cho trước thông qua đề thi do ban khảo thí lựa chọn trong ngân hàng câu hỏi thi hoặc đề thi do giảng viên chuẩn bị. Trên cơ sở nội dung trả lời được viết ra, giảng viên cho điểm là thước đo đánh giá kết quả bài thi. Phương pháp này phát huy khả năng độc lập suy nghĩ, phát huy tính sáng tạo trí tuệ và cảm xúc của học viên, đánh giá được trình độ kiến thức và thái độ, ý thức của học viên đối với môn học. Tuy nhiên phương pháp này có hạn chế là nội dung bài thi khó bao quát toàn bộ chương trình học, chỉ tập trung vào một số phần chính. Khó bảo đảm tính khách quan trong khâu chấm bài, mang tính chủ quan của người chấm.

- Đối với thi trắc nghiệm khách quan: Đây là phương pháp tiện lợi khi chấm thi và đánh giá kết quả của học viên một cách khách quan vì kết quả chấm thi hoàn toàn không dựa vào ý chủ quan của người chấm nên dù có

nhiều người chấm khác nhau vẫn cho kết quả giống nhau, đem lại nhiều ưu điểm bởi tính khách quan, nhanh chóng và nội dung rộng. Tuy nhiên có hạn chế là khó đánh giá nhận thức chiều sâu của học viên, đặc biệt là sức sáng tạo của học viên. Việc soạn thảo bài trắc nghiệm khó, đòi hỏi người soạn phải có kỹ thuật, kinh nghiệm. Việc soạn thảo hình thành bài trắc nghiệm tốn nhiều thời gian, phức tạp.

- Đối với hình thức thi vấn đáp: Hình thức này có ưu điểm là có thể kiểm tra kiến thức của học viên tương đối rộng, tạo cho học viên có khả năng phản xạ trước các vấn đề, khắc phục được việc học tủ trong học viên và kết quả học tập được công bố nhanh, xác định tương đối chính xác kết quả học tập của học viên. Tuy nhiên, hình thức này lại đòi hỏi thời gian tổ chức thi dài, vì vậy đối với các khóa đông, giảng viên không nhiều thì khó thực hiện, bên cạnh đó hình thức này cũng có những hạn chế là không tạo cho học viên có tư duy hệ thống vì thời gian trả lời các câu hỏi thi của mỗi học viên ngắn nên các vấn đề trả lời chỉ là các ý, tản mạn, và hạn chế khả năng lập luận của học viên và việc đánh giá phụ thuộc vào ý thức chủ quan của thầy.

- Hình thức thi dùng phương pháp kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm kết cấu của đề thi gồm hai phần là phần câu hỏi trắc nghiệm và phần câu hỏi tự luận. Phương pháp này khách quan, nhanh chóng và nội dung rộng đồng thời phát huy khả năng độc lập suy nghĩ, phát huy tính sáng tạo của học viên, đánh giá được trình độ kiến thức, ý thức của học viên đối với môn học.

Phương pháp đánh giá của môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật được thể hiện trong đề cương chi tiết môn học. Giai đoạn tính điểm quá trình có thể lấy điểm kiểm tra miệng và điểm kiểm tra giữa học phần hoặc chỉ lấy điểm kiểm tra giữa học phần làm kết quả. Đánh giá phương pháp kiểm tra kết thúc môn học tại các trường sĩ quan khu vực phía Nam, tác giả luận văn thu được kết quả sau:

Bảng 2.4 Đánh giá kết thúc môn học

STT	Nội dung	Số trường	Tỷ lệ (%)
1	Có ngân hàng câu hỏi thi	03	100
2	Có quy định thực hiện hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi theo định kỳ	03	100
3	Dùng phương pháp tự luận	01	33,3
4	Dùng phương pháp trắc nghiệm	0	
5	Dùng phương pháp kết hợp giữa tự luận và trắc nghiệm	01	33,3
6	Dùng phương pháp vấn đáp	01	33,3
	Tổng số trường khảo sát	03	

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả luận văn)

Từ kết quả khảo sát, chúng ta thấy sử dụng ngân hàng câu hỏi được sử dụng ở tất cả các trường sĩ quan khu vực phía Nam. Trong đó có quy định hiệu chỉnh ngân hàng câu hỏi theo định kỳ. Quy định này hoàn toàn phù hợp vì môn học Nhà nước và Pháp luật có tính đặc trưng riêng so với các môn học khác, không mang tính ổn định mà thường xuyên phải thay đổi, phải cập nhật nội dung do pháp luật thường được sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội. Phương pháp kiểm tra đánh giá kết thúc môn học bằng hình thức tự luận có một trường sử dụng. Thi bằng hình thức vấn đáp có một trường sử dụng. Hình thức thi sử dụng tự luận kết hợp với trắc nghiệm có một trường sử dụng. Do vậy, ta thấy các trường đã sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả thi kết thúc môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật bằng các hình thức thi khác nhau để đánh giá trình độ nhận thức, khả năng tư duy sáng tạo và khả năng phản xạ của học viên đối với môn học, từ đó xây dựng và hình thành ý thức, tình cảm, trách nhiệm trong chấp hành pháp luật và quy định của Nhà trường và đơn vị.

Đối với đối tượng là sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân và viên chức quốc phòng việc đánh giá kết quả giáo dục pháp luật thông qua kết quả kiểm tra tại chức năm được tổ chức kiểm tra theo nội dung các chuyên đề đã được học và nghiên cứu, theo kế hoạch của cơ quan chính trị và hướng dẫn của Tổng cục Chính trị. Phương pháp kiểm tra đối với đối tượng từ cấp trung tá trở xuống là kiểm tra bằng hình thức tập trung, thông qua bài viết tự luận, có liên hệ thực tiễn về nội dung học tập và nghiên cứu với thực tiễn, từ đó đưa ra những quan điểm và bài học kinh nghiệm trong hoạt động công tác. Đối với cấp từ thượng tá trở lên, phương pháp đánh giá kết quả thông qua bài viết thu hoạch, nhận thức về những vấn đề đã được học tập và nghiên cứu, từ đó đưa ra quan điểm trong cách thức tổ chức thực hiện các nội dung đã được nghiên cứu và quán triệt một cách có hiệu quả, mang tính thiết thực, phù hợp với từng đối tượng cụ thể, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong môi trường quân đội nói chung và trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam nói riêng. Tuy nhiên, phương pháp kiểm tra bằng hình thức tập trung, thông qua bài viết tự luận chưa đánh giá hết được khả năng nhận thức của đối tượng, chưa thể hiện rõ được quan điểm của chủ thể trong nhận thức vấn đề đã học tập và nghiên cứu.

Ngoài ra kết quả giáo dục pháp luật còn được đánh giá qua kết quả hoạt động của các quân nhân trong việc chấp hành các quy định của Nhà trường và kỷ luật của Quân đội. Thông qua hoạt động thực tiễn là việc chấp hành các chế độ trong tuần, trong ngày, các chế độ sinh hoạt tập thể, sinh hoạt ngày “chính trị văn hóa tinh thần”, “ngày pháp luật”, thực hiện các phong trào thi đua của đơn vị... Đó chính là kết quả quá trình rèn luyện, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện của mỗi quân nhân.

Đối với giảng viên, đánh giá kết quả học tập giúp giảng viên thu thập thông tin từ người học về chất lượng nắm kiến thức, nhìn nhận rõ thực trạng

kết quả học tập và những nguyên nhân dẫn đến kết quả đó để giảng viên có những điều chỉnh, hướng dẫn người học tự điều chỉnh, hoàn thiện hoạt động học tập.

2.2.2. Thực trạng giáo dục pháp luật theo chương trình ngoại khóa

Thực tế thời lượng dành cho môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật trong chương trình học chính khóa đối với đối tượng học viên chủ yếu là học vào năm thứ hai, thời lượng có hạn, giảng viên không thể truyền đạt hết những nội dung pháp luật ngoài nội dung trong giáo trình hoặc các nội dung cần thiết, nội dung pháp luật sửa đổi, bổ sung cho người học. Do đó, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động ngoại khóa là hết sức quan trọng. Thông qua các hoạt động như “ngày pháp luật”, “ngày văn hóa chính trị tinh thần”, tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, cuộc thi câu lạc bộ kỹ thuật... với các hoạt động sôi nổi, vui nhộn, tạo niềm vui, sự yêu thích của mọi quân nhân tham gia. Các hoạt động này giúp cho quân nhân tham gia tiếp thu thêm được nhiều kiến thức pháp luật một cách tự nhiên, dễ nhớ vì kiến thức PL được truyền đạt chủ yếu thông qua các tình huống cụ thể trong hoạt động thực tiễn, giúp quân nhân củng cố thêm kiến thức đã học, bổ sung thêm tri thức pháp luật có tác dụng thiết thực trong hoạt động công tác hàng ngày.

Trong những năm qua, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động ngoại khóa ở các trường sĩ quan khu vực phía Nam được thực hiện qua nhiều hình thức đa dạng và phong phú như: sinh hoạt câu lạc bộ pháp luật, nói chuyện chuyên đề về pháp luật, thông báo tình hình an ninh chính trị địa bàn nơi đóng quân, thông báo tình hình vi phạm trật tự an toàn giao thông, thông báo các bản tin pháp luật... Lồng ghép các nội dung pháp luật vào các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao, các buổi nói chuyện chuyên đề, seminar, các hội thi do nhà trường tổ chức, thông báo truyền thanh nội bộ, thông báo chính trị sau các buổi chào cờ của đơn vị; tổ chức các trò chơi thi tìm hiểu pháp luật,

đồ vui pháp luật, viết, vẽ theo các chủ đề chấp hành pháp luật, xây dựng các tiểu phẩm tình huống pháp luật; kết hợp với tổ chức Đoàn phường, xã nơi địa bàn đóng quân soạn và in ấn các tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật; vận động tuyên truyền nhân dân địa phương thực hiện, chấp hành nghiêm pháp luật. Phổ biến, giáo dục pháp luật thông qua các hoạt động ngoại khóa đã góp phần quan trọng trong giáo dục đạo đức, lối sống, tình cảm, ý thức pháp luật cho mọi quân nhân.

Phát huy vai trò của các tổ chức Đoàn Thanh niên, Công đoàn, Phụ nữ, Hội đồng quân nhân trong đơn vị, phối hợp với chính quyền và các tổ chức đoàn thể của địa phương nơi Nhà trường đóng quân để tổ chức các hoạt động ngoại khóa làm công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật như nói chuyện chuyên đề, làm công tác dân vận, khám bệnh cấp phát thuốc cho người nghèo, thăm hỏi tặng quà gia đình có công, các gia đình khó khăn...tạo niềm tin, ý thức pháp luật đối với quân nhân trong xây dựng Nhà trường vững mạnh, địa bàn an toàn. Giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội nơi địa bàn Nhà trường đóng quân.

Tuy nhiên, hoạt động giáo dục pháp luật theo chương trình ngoại khóa vẫn còn những hạn chế, bất cập như: Hoạt động trong các trường sĩ quan là hoạt động đặc thù của lĩnh vực quân sự, do đó thời gian dành cho hoạt động ngoại khóa GDPL còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ tổ chức hoạt động ngoại khóa chủ yếu là cán bộ quản lý kiêm nhiệm làm nên nội dung thiếu chiều sâu chuyên môn. Hoạt động GDPL ngoại khóa thiếu trọng tâm, trọng điểm, chưa có tính hệ thống. Phương pháp phổ biến pháp luật ngoại khóa chậm được đổi mới, tổ chức đơn điệu thiếu hấp dẫn, chất lượng và hiệu quả còn chưa cao. Nội dung còn dàn trải, nặng về phổ biến các quy định về pháp luật, chưa chú trọng đến rèn luyện kỹ năng ứng xử, vận dụng pháp luật trong giải quyết các vấn đề thực tiễn của cuộc sống.

Để đánh giá toàn diện về hoạt động ngoại khóa đối với công tác GDPL, tác giả thực hiện khảo sát mức độ cách thức hoạt động của các trường đối với công tác GDPL ngoại khóa

Bảng 2.5 Cách thức hoạt động của các trường đối với công tác GDPL ngoại khóa

STT	Nội dung	Số trường	Tỷ lệ (%)
01	Ngân sách cho hoạt động GDPL ngoại khóa	0	0
02	Kết hợp giữa phòng, khoa, đơn vị trong công tác GDPL cho các đối tượng	03	100
03	Kết hợp giữa nhà trường với địa phương trong công tác GDPL ngoại khóa	03	100
04	Tủ sách pháp luật	03	100
05	Cập nhật tủ sách pháp luật	03	100
06	Bản tin pháp luật (thông báo tình hình ANCT)	03	100
07	Thực hiện ngày pháp luật	03	100
08	Thực hiện ngày văn hóa chính trị tinh thần	03	100
	Tổng số trường được khảo sát	03	

(Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả luận văn)

Kết quả khảo sát cho thấy các trường đều tổ chức thực hiện ngày pháp luật và ngày chính trị văn hóa tinh thần theo quy định của Tổng cục Chính trị, tủ sách PL được duy trì ở cấp đại đội và được thường xuyên cập nhật những văn bản pháp luật mới. Việc phối hợp giữa các cơ quan, khoa, đơn vị trong trường để tổ chức hoạt động GDPL ngoại khóa chặt chẽ, có kế hoạch cụ thể trong phân công, phối hợp tổ chức. Đã kết hợp chặt chẽ với cơ quan, tổ chức tại địa phương phong công tác tuyên truyền, phổ biến GDPL, nâng cao chất

lượng hoạt động ngoại khóa bằng nhiều hình thức đa dạng và phong phú, đem lại hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên kinh phí cho hoạt động GDPL ngoại khóa còn chưa có ngân sách cụ thể mà chủ yếu sử dụng kinh phí của đơn vị thông qua các tổ chức đoàn thanh niên, hội đồng quân nhân, công đoàn, phụ nữ.

2.3. Thực trạng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giảng dạy giáo dục pháp luật tại các Trường Sĩ quan khu vực phía Nam

Đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giảng dạy giáo dục pháp luật tại các trường sĩ quan khu vực phía Nam gồm giảng viên chuyên trách giảng dạy bộ môn lý luận Nhà nước và Pháp luật; giảng viên không chuyên trách là giảng viên của khoa Khoa học xã hội và nhân văn, đội ngũ cán bộ chính trị (chính ủy, phó chính ủy, cán bộ thuộc cơ quan chính trị, chính trị viên tiểu đoàn, đại đội).

Đối với giảng viên chuyên trách là các giảng viên giảng dạy bộ môn lý luận Nhà nước và Pháp luật đảm nhiệm dạy đối tượng học viên theo chương trình chính khóa, tiêu chuẩn là những người có trình độ thạc sỹ, cử nhân luật. Có năng lực chuyên môn giảng dạy pháp luật, được hội đồng phương pháp khoa, nhà trường thông qua đề cương bài giảng và phương pháp giảng dạy. Trong quá trình giảng dạy, nhà trường tổ chức khảo sát đánh giá của học viên đối với giảng viên qua bảng khảo sát gồm nhiều tiêu chí và học viên được nêu ý kiến nhận xét của mình cũng như kiến nghị về giảng viên đứng lớp. Sau khảo sát, đối với những giảng viên còn có những hạn chế kịp thời nhận xét rút kinh nghiệm thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn của khoa và bộ môn, yêu cầu giảng viên phải đề xuất phương hướng khắc phục, có nhận xét đánh giá phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ. Vì thế, giảng viên luôn phải cố gắng hoàn thiện mình để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, hoàn thiện kỹ năng sư phạm, đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ giáo dục đào tạo.

Đối với các giảng viên không chuyên trách là giảng viên khoa Khoa học xã hội và nhân văn, cán bộ chính trị (tham gia giảng dạy các chuyên đề

theo kế hoạch phổ biến, GDPL hằng năm, kế hoạch giáo dục chính trị theo hướng dẫn của Tổng cục Chính trị) là những người có trình độ, năng lực chuyên môn sư phạm; là thành viên hội đồng phổ biến, GDPL của trường. Được hội đồng phương pháp của nhà trường thông qua bài giảng, có chấm điểm thông qua các buổi giảng dạy tại chức của trường.

Hằng năm các trường sĩ quan khu vực phía Nam đều tổ chức thi giảng viên dạy giỏi, cán bộ chính trị giỏi. Thông qua hoạt động đó giảng viên, cán bộ chính trị có cơ hội nghiên cứu, tìm tòi thêm những phương pháp, hoạt động giảng dạy mới cũng như nâng cao kỹ năng sử dụng các phương tiện hỗ trợ giảng dạy. Ngoài ra các trường còn tổ chức tập huấn đầu năm học; gửi cán bộ, giáo viên đi dự các hội thảo, tập huấn các chuyên đề pháp luật, phổ biến các quy định mới trong giáo dục pháp luật, những nội dung cần phổ biến, quán triệt cho các đối tượng; truyền đạt thông tin về hoạt động phổ biến, GDPL cho cán bộ, giảng viên làm công tác giáo dục pháp luật.

Tuy nhiên, đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL còn nhiều hạn chế đó là: Đội ngũ giảng viên pháp luật còn chưa đồng đều, trình độ chuyên môn và năng lực thực tế khác nhau nên ảnh hưởng phần nào đến chất lượng GDPL, một số giảng viên sử dụng phương pháp trong quá trình giảng dạy có hạn chế nhất định làm cho quá trình truyền thụ kiến thức pháp luật còn khô khan, tẻ nhạt, ít liên hệ thực tiễn nên nội dung các quy phạm pháp luật thiếu tính thực tế, thể hiện nhiều về tính lý luận. Đội ngũ cán bộ chính trị, giảng viên không chuyên trách giảng dạy pháp luật thực hiện công tác PB, GDPL còn nhiều hạn chế về mặt kỹ năng, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chưa đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn công tác PB, GDPL. Các hoạt động tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng mặc dù được tổ chức thường xuyên nhưng nội dung, hình thức tổ chức còn thiếu đa dạng, phong phú chưa sát với nhu cầu thực tế, vì vậy chưa phát huy hiệu quả tối đa trong việc nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ này.

Tiểu kết chương 2

Trong thời gian qua công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam luôn được Đảng ủy, Ban giám hiệu, cấp ủy, chỉ huy các cấp hết sức quan tâm và đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Hoạt động phổ biến, GDPL được duy trì thường xuyên, có kế hoạch, nội dung cụ thể. Hình thức, biện pháp phổ biến khá phong phú, đa dạng; nội dung GDPL có sự lựa chọn, có trọng tâm, trọng điểm phù hợp với từng thời điểm và nhiệm vụ chính trị trung tâm của nhà trường.

Dựa trên kết quả điều tra XHH và những thông tin, tư liệu có sẵn, luận văn đã phân tích, đánh giá thực trạng GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam trên hai mặt: những ưu điểm, kết quả đạt được và những hạn chế, bất cập của công tác này; chỉ ra được nguyên nhân của thực trạng đó. Luận văn nghiên cứu, phân tích trên các góc độ: nội dung, hình thức, phương pháp và phương pháp đánh giá kết quả của công tác giáo dục pháp luật. Đồng thời chỉ ra được thực trạng của đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL. Trên cơ sở đó có những đánh giá khách quan, toàn diện, cụ thể để đưa ra những giải pháp thiết thực nâng cao chất lượng GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

Chương 3

NHỮNG GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC PHÁP LUẬT TRONG CÁC TRƯỜNG SĨ QUAN CỦA QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN VIỆT NAM Ở KHU VỰC PHÍA NAM

Mục tiêu của hoạt động giáo dục nói chung và giáo dục pháp luật nói riêng trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam là phải trang bị cho bộ đội các kiến thức toàn diện trên mọi lĩnh vực, cả về chính trị, đạo đức và pháp luật, đặc biệt là những kiến thức pháp luật phổ thông như luật dân sự, luật hình sự, luật hôn nhân và gia đình, luật hành chính... Ngoài ra, học viên cũng cần phải được trang bị cả kiến thức luật về quốc phòng như các quy định của Điều lệnh, Điều lệ quân đội, các quy định về quan hệ cấp trên cấp dưới, quan hệ với đồng chí đồng đội, trong mối quan hệ với nhân dân, trong việc thực hiện các nhiệm vụ của quân đội, những kiến thức trong việc bảo vệ bí mật nhà nước, bí mật quân sự, giữ gìn và bảo vệ vũ khí, trang bị khí tài quân sự, bảo vệ các công trình quốc phòng, các quy định về biên giới, biển, đảo... đồng thời phải xây dựng bản lĩnh, tâm lý, thái độ trước những âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch.

Từ những nghiên cứu về lý luận và thực trạng GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam, để công tác GDPL đi vào chiều sâu, có hiệu quả thiết thực, tác giả luận văn xin đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

3.1. Giải pháp về nội dung giáo dục pháp luật

3.1.1 Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật

Đổi mới nội dung GDPL cần quán triệt tinh thần Nghị quyết số 29/NQ-TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo: “Đổi mới nội dung giáo dục theo hướng tinh giản, hiện đại, thiết thực, phù hợp với lứa tuổi, trình độ và ngành nghề;

tăng thực hành, vận dụng kiến thức vào thực tiễn. Chú trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, tri thức pháp luật và ý thức công dân”.

Đổi mới nội dung, chương trình giáo dục pháp luật thực chất là: bổ sung, phát triển, làm phong phú thêm cả phương diện lý luận và thực tiễn, hệ thống nội dung trong chương trình quy định của Tổng cục Chính trị, bổ sung thêm những nội dung giáo dục pháp luật theo yêu cầu của nhà trường, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ chính trị trung tâm và đối tượng đặc thù trong trường đào tạo sĩ quan.

Từ thực trạng công tác giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam những năm qua cho thấy cần thiết phải cụ thể hóa và đơn giản hóa nội dung giáo dục pháp luật cho các nhóm đối tượng. Ngoài các chuyên đề giáo dục hàng năm theo yêu cầu của Bộ Quốc phòng. Cần đề cập nhiều hơn đến vấn đề nhà nước pháp quyền trong quân đội, để khái niệm này trở nên gần gũi và dễ hiểu. Hiểu về nhà nước pháp quyền từ đó cán bộ, học viên, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS có thể hiểu được nguyên nhân của những thay đổi trong các quy định của pháp luật và thực hiện quyền con người, tuyên truyền giáo dục và bảo vệ quyền này dựa trên chức trách, nhiệm vụ của mình. Từ đó, xây dựng văn hóa pháp luật nói chung và trong lĩnh vực giáo dục pháp luật trong quân đội nói riêng.

Về nội dung GDPL, mặc dù các trường đều triển khai theo đúng nội dung mà Bộ Quốc phòng thống nhất hàng năm, nhưng vẫn còn cần bổ sung một số nội dung về luật quốc tế và các văn bản chuyên ngành của các đơn vị. Đây chính là sự cần thiết phải đổi mới nội dung GDPL cho phù hợp hơn với nhu cầu của đối tượng GDPL trong xu thế hội nhập hiện nay.

Đổi mới nội dung giảng dạy pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam cũng là việc đổi mới nội dung giảng dạy môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật.

Một là, cần xây dựng nhận thức đúng đắn về vai trò môn học lý luận Nhà nước và pháp luật đối với việc thực hiện mục tiêu, yêu cầu đào tạo và với công tác phổ biến, giáo dục, thực hiện pháp luật trong Quân đội.

Hai là, tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình giảng dạy môn Nhà nước và pháp luật. Để thực hiện "học đi đôi với hành", chuyển hóa tri thức pháp luật thành tình cảm, thái độ đúng đắn, rèn luyện nền nếp, thói quen chấp hành pháp luật cần kết hợp chặt chẽ giữa giảng dạy về nhà nước và pháp luật với tăng cường các hoạt động giáo dục pháp luật ngoại khoá, giữa giảng dạy của giảng viên với hoạt động quản lý, duy trì kỷ luật của đội ngũ cán bộ quản lý, xây dựng môi trường văn hoá pháp luật trong nhà trường quân sự.

Ba là, tập trung vào nghiên cứu, quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các văn bản pháp luật mới ban hành; chương trình bổ trợ học tập chung cho các đối tượng gồm tài liệu bổ trợ và băng hình bổ trợ với các nội dung, thông tin về chủ trương, chính sách mới của Đảng, Nhà nước, số liệu về kinh tế, xã hội, dân tộc, tôn giáo...

Đổi mới, hoàn thiện nội dung giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam là biện pháp cơ bản để nâng cao chất lượng GDPL. Cần đổi mới nội dung giáo dục pháp luật theo hướng không chỉ đáp ứng nhu cầu kiến thức cơ bản về pháp luật, mà còn phải thiết thực, đáp ứng yêu cầu thực tiễn để một mặt nâng cao trình độ nhận thức cho các đối tượng, mặt khác giúp quân nhân có khả năng vận dụng sáng tạo vào thực tiễn cuộc sống. Nhiệm vụ của cách mạng, Quân đội thường xuyên vận động, phát triển; vì vậy, nội dung GDPL cần phải đổi mới, hoàn thiện; hình thức, phương pháp càng phải đa dạng phong phú đủ sức cuốn hút, hấp dẫn bộ đội để nâng cao chất lượng công tác GDPL.

3.1.2. Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục pháp luật cho phù hợp với từng đối tượng

Việc xây dựng chương trình giáo dục pháp luật với nội dung cụ thể, thiết thực phù hợp với từng đối tượng là rất quan trọng. Đối tượng trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam có trình độ nhận thức khác nhau nên khả năng tiếp thu kiến thức và vận dụng kiến thức pháp luật cũng khác nhau. Chính vì vậy, các chương trình giáo dục cần phải được thiết kế với các nội dung phù hợp với từng đối tượng khác nhau, cụ thể như sau:

Đối tượng là học viên đào tạo sĩ quan với chương trình đào tạo bắt buộc môn học lý luận Nhà nước và Pháp luật với thời lượng và nội dung tương ứng, trang bị những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật. Ngoài ra, còn cần phải trang bị kiến thức liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực hoạt động quân sự để xây dựng niềm tin, ý thức làm nền tảng, cơ sở cho hoạt động thực tiễn khi ra trường trên cương vị là lãnh đạo, chỉ huy đơn vị.

Đối tượng là SQ, QNCN, CNVVCQP với nội dung GDPL thường xuyên hàng năm theo hướng dẫn của Tổng cục Chính trị. Ngoài ra, cũng cần phải thường xuyên phổ biến, quán triệt nội dung pháp luật sửa đổi, bổ sung, những nội dung văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động thực tiễn xã hội. Trên cơ sở đó nâng cao ý thức chấp hành pháp luật nói chung và ý thức chấp hành kỷ luật quân đội nói riêng, ý thức xây dựng tình đoàn kết quân dân trong công tác và sinh hoạt tại địa phương.

Đối tượng là HSQ, BS nội dung chương trình GDPL cần hướng tới xây dựng niềm tin, trách nhiệm trong thực hiện nghĩa vụ quân sự, thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong xây dựng đơn vị; ý nghĩa, giá trị của bản thân khi góp một phần công sức của mình trong xây dựng nhà trường và quân đội cách mạng, chính quy.

3.2. Giải pháp về hình thức giáo dục pháp luật

3.2.1 *Đổi mới hình thức giáo dục pháp luật*

Đối với hình thức dạy và học pháp luật cần tăng cường trao đổi, thảo luận về những vấn đề pháp luật, tạo tình huống và tập xử lý các tình huống

pháp luật. Để đạt được yêu cầu này trước hết đội ngũ giảng viên phải có trình độ và năng lực thực tiễn. Do đó, cần sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn của các cấp lãnh đạo, chỉ huy trong công tác kiện toàn, củng cố, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên, báo cáo viên và tuyên truyền viên pháp luật. Tạo điều kiện để đội ngũ này học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ như: cử đi đào tạo dài hạn, tham gia học các lớp ngắn hạn bồi dưỡng kiến thức chuyên ngành, thông qua các buổi tập huấn pháp luật, dự các hội thảo chuyên đề pháp luật... Bên cạnh đó cũng cần chú trọng bồi dưỡng nâng cao chất lượng xây dựng đề cương bài giảng, soạn thảo giáo án, điều chỉnh phương pháp cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Không ngừng nâng cao khả năng vận dụng kiến thức chuyên ngành trong xử lý các tình huống thực tế, đưa nội dung thực tế vào tình huống pháp lý vận dụng trong giảng dạy.

Đối với hình thức giáo dục pháp luật thông qua phương tiện thông tin đại chúng cần phát huy tối đa khả năng và ưu thế của hệ thống truyền thanh nội bộ. Cơ quan chính trị phải có kế hoạch, xây dựng một chuyên mục riêng về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật. Để đạt được yêu cầu đó, đòi hỏi phải có sự đầu tư và quan tâm đúng mực của lãnh đạo chỉ huy các cấp, đặc biệt là vai trò trách nhiệm của cơ quan chính trị và hội đồng phổ biến, GDPL nhà trường. Đồng thời phát huy hết tinh thần trách nhiệm của mọi quân nhân trong viết bài, đưa tin về chuyên đề phổ biến, giáo dục pháp luật. Cơ quan chính trị và hội đồng phổ biến, GDPL phải có trách nhiệm kiểm duyệt nội dung trước khi đưa lên truyền thanh nội bộ.

Đối với hình thức tuyên truyền thông qua tủ sách pháp luật, yêu cầu số lượng tài liệu, sách, báo, tạp chí liên quan đến nội dung pháp luật phải đa dạng, phong phú, nhiều chủng loại. Do đó, cần thiết phải có sự đầu tư kinh phí đúng mực cả về phía nhà trường và đơn vị. Phòng đào tạo và cơ quan chính trị phải luôn bảo đảm kịp thời, đầy đủ các tài liệu và những văn bản

pháp luật liên quan đến việc giảng dạy và học tập. Bên cạnh đó cần xây dựng phong trào hay cuộc vận động đóng góp xây dựng tủ sách pháp luật, phát huy tinh thần trách nhiệm của mọi quân nhân tham gia đóng góp “mỗi quân nhân góp một đầu sách pháp luật”.

Đối với hình thức GDPL thông qua các hoạt động như thi tìm hiểu pháp luật, câu lạc bộ kỹ thuật, tọa đàm, giao lưu văn hóa văn nghệ... cần sân khấu hóa các hoạt động, lồng ghép các hoạt động văn nghệ với các tiểu phẩm có nội dung tình huống pháp luật tạo sân chơi cho mọi quân nhân. Đồng thời giáo dục tình cảm, ý thức pháp luật, từ đó tự giác chấp hành pháp luật và kỷ luật quân đội.

Đổi mới hình thức GDPL cần tăng cường các hình thức hoạt động ngoại khóa như: tham dự các phiên tòa xét xử các vụ án; lồng ghép nội dung giáo dục pháp luật với các nội dung học tập, huấn luyện khác, nhất là với môn học công tác Đảng, công tác chính trị. Đồng thời, cần gắn giáo dục với các biện pháp quản lý kỷ luật, xây dựng nền nếp chính quy trong đơn vị, qua đó ngăn chặn, xử lý có hiệu quả, đi đến chấm dứt một số hành vi vi phạm kỷ luật quân đội, pháp luật của Nhà nước.

3.2.2. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật

Tăng cường giới thiệu các quy định pháp luật thông qua hình thức tuyên truyền miệng. Tập huấn, giới thiệu văn bản pháp luật mới và những văn bản pháp luật liên quan đến chuyên môn nghiệp vụ của cán bộ và cuộc sống của bộ đội. Trên cơ sở hệ thống mạng nội bộ của trường có thể xây dựng trang web về GDPL do tổ bộ môn nhà nước và pháp luật kết hợp với Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật của nhà trường phụ trách quản lý nội dung. Xây dựng tủ sách pháp luật cấp trường do thư viện nhà trường quản lý với đầu sách phong phú, số lượng đủ đáp ứng làm tài liệu nghiên cứu, giảng dạy, học tập của giáo viên, học viên. Tổ giáo viên nhà nước và pháp luật cần được

đầu tư một số loại báo, tạp chí chuyên ngành giúp cho việc nghiên cứu, kịp thời cập nhật thông tin phục vụ tốt cho quá trình giảng dạy. Xây dựng tủ sách pháp luật tại khoa, tổ bộ môn nhà nước và pháp luật. Tổ chức các hoạt động ngoài giờ ngoại khóa, dân vận, tuyên truyền pháp luật cho nhân dân địa phương nơi nhà trường đóng quân để tăng cường khả năng truyền đạt pháp luật cho cán bộ, học viên.

Tổ chức, thực hiện tốt "Ngày pháp luật" vào ngày 15 hàng tháng, khuyến khích khả năng tự nghiên cứu, tìm hiểu những kiến thức pháp luật thiết thực để trao đổi, thảo luận, ghi nhớ cùng nhau sau mỗi buổi tự thuyết trình hàng tuần, hàng quý hay hàng tháng. Xây dựng các tổ tư vấn pháp luật tại các đơn vị nhằm tạo điều kiện cho các giảng viên, báo cáo viên pháp luật được thường xuyên rèn luyện, trau dồi kiến thức lý luận và khả năng vận dụng trong thực tiễn. Phát huy khả năng, lợi thế có sẵn của mạng truyền thanh nội bộ, tập san nội bộ của trường trong việc GDPL, mở chuyên mục mới, tăng thời lượng, bảo đảm chính xác về nội dung, hình thức thể hiện phong phú hấp dẫn. Nâng cao tính định hướng, hướng dẫn dư luận xã hội khi phổ biến, thông tin pháp luật. Sử dụng tối đa các phương tiện phát thanh và truyền hình của địa phương trong việc phổ biến, giáo dục pháp luật. Đa dạng hóa các loại tài liệu tuyên truyền pháp luật như: sách, tờ gấp, băng đĩa hình, đĩa tiếng, pa nô, áp phích...

Tổ chức các cuộc điều tra thăm dò dư luận trong nội bộ trường để thu thập thông tin phản hồi của cán bộ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS về hiệu quả thực thi pháp luật, nhu cầu thông tin pháp luật để từ đó điều chỉnh nội dung, hình thức giáo dục pháp luật cho phù hợp với thực tiễn.

3.3. Giải pháp về phương pháp giáo dục pháp luật

3.3.1 *Đổi mới phương pháp giáo dục pháp luật*

- *Phương pháp giảng dạy thông qua việc giảng bài trên lớp của đội ngũ giảng viên pháp luật:*

Trong hệ thống các môn học lý luận, khoa học xã hội, pháp luật là một trong những môn học dễ khô khan về nội dung, người học khó tìm thấy sự lôi cuốn, thú vị từ môn học. Do đó, cần thiết phải đổi mới phương pháp giảng dạy để thay đổi suy nghĩ của người học, hướng người học tìm thấy hứng thú trong học tập và tìm hiểu về pháp luật. Việc lựa chọn và sử dụng các phương pháp dạy học phải căn cứ vào nhiều yếu tố, đó là: mục tiêu bài giảng; đặc điểm, nội dung bài giảng; đặc điểm, trình độ, kỹ năng và thói quen học tập; phương tiện giảng dạy; đặc điểm môi trường; kinh nghiệm giảng dạy của giảng viên... Ngoài ra, để tiết học sinh động và lôi cuốn, thu hút sự tham gia của học viên thì giảng viên phải đa dạng hóa phương pháp giảng dạy. Thể hiện ở việc người dạy biết cách tổ chức những hoạt động học tập thích hợp và thu hút được người học tham gia, cần tránh lối dạy kiểu truyền thống, thiên về lý thuyết, xa rời thực tế. Phương pháp phải dựa trên thực tế của cuộc sống; người học được hướng đến việc giải quyết những vấn đề ngay trong quá trình học tập, dựa trên những tình huống thường gặp trong cuộc sống xã hội.

Hiện nay, giảng viên ở các trường sĩ quan khu vực phía Nam đa số vẫn sử dụng phương pháp truyền thống là giải thích và truyền đạt một chiều. Tình trạng người học học theo lối thụ động, phụ thuộc hoàn toàn vào người dạy. Học viên chỉ biết nghe giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên pháp luật giảng và chép theo những gì họ đọc. Học viên không có thói quen thảo luận, làm việc nhóm, chủ yếu là cá nhân và tự phát khi tham gia đóng góp xây dựng bài. Để khắc phục tình trạng này giảng viên không chỉ là người đưa ra kiến thức mà còn phải là người hướng dẫn, gợi mở vấn đề cho học viên tìm tòi, nghiên cứu. Chuyển từ học tập thụ động ghi nhớ là chính sang học tập tích cực, chủ động, sáng tạo. Biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo; giảng viên là người hướng dẫn học viên biết tự nghiên cứu, tự học, tự rèn kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của

người học. Bên cạnh đó vai trò của người cán bộ quản lý cũng hết sức quan trọng trong việc hướng dẫn, xây dựng cho học viên ý thức tự học, tự rèn ở đơn vị trước khi lên giảng đường hay đến các buổi sinh hoạt như “ngày pháp luật”, để học viên có thói quen đọc bài mới trong giáo trình, tìm hiểu tài liệu liên quan, biết chủ động chuẩn bị trước nội dung hay những thắc mắc liên quan đến buổi học, buổi sinh hoạt.

Cần vận dụng phương pháp xử lý tình huống vào GDPL. Trong mỗi bài học, giảng viên nên thiết kế một vài tình huống pháp luật để đưa người học vào các tình huống cụ thể. Tình huống pháp luật có thể là một video clip, một câu chuyện có thật hoặc hư cấu theo nội dung bài giảng. Các tình huống này có thể tham khảo từ các báo pháp luật hay Chương trình truyền hình Tòa tuyên án, Chuyện không của riêng ai... Phương pháp xử lý tình huống trong mỗi bài học không nên trùng nhau để tránh sự nhàm chán. Phương pháp xử lý tình huống có thể được thiết kế dưới dạng câu hỏi trắc nghiệm để người học chọn đáp án có trọng tâm hơn. Phương pháp này cũng có thể được thiết kế dưới dạng mở như ai đúng, ai sai, tại sao. Để đảm bảo phương pháp này đạt hiệu quả yêu cầu phải nâng cao hiệu quả làm việc theo nhóm. Theo đó, phương pháp làm việc theo nhóm có thể được tiến hành như sau: Trước hết, giảng viên chia lớp theo từng nhóm cụ thể, hướng dẫn các nhóm định hướng nội dung cần thảo luận và giải quyết vấn đề. Các nhóm căn cứ vào nội dung giáo trình, tài liệu và kiến thức thực tế của mình để thảo luận, trả lời những câu hỏi của giảng viên nêu ra. Quá trình thảo luận, các thành viên phải đưa ra ý kiến của mình dù có thể chưa đúng, chưa hay nhưng bước đầu tạo điều kiện cho người học ham thích nội dung môn học, phát huy được tính tích cực học tập của học viên. Sau khi các nhóm đã thảo luận và thống nhất về phương án trả lời, cử đại diện nhóm trình bày phương án. Giảng viên tổng hợp, nhận xét, đánh giá các phương án trả lời, chốt vấn đề, đưa ra phương án giải quyết đúng nhất và nhấn mạnh nội dung trọng tâm cần đạt được.

- Phương pháp kết hợp giáo dục thuyết phục với mệnh lệnh hành chính, nêu gương, động viên thi đua:

Trong giáo dục pháp luật phương pháp giáo dục thuyết phục là một trong những phương pháp đem lại hiệu quả thiết thực. Phương pháp này giúp cho đối tượng GDPL hiểu, ý thức được quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình trong việc tuân thủ, chấp hành pháp luật, xây dựng được niềm tin đối với pháp luật cũng như các quy định của nhà trường, đơn vị; từ đó tự giác chấp hành nghiêm điều lệnh, điều lệ của quân đội, quy định, quy chế của nhà trường và đơn vị. Tuy nhiên, phải kết hợp linh hoạt, mềm dẻo của giáo dục thuyết phục với sự cứng rắn, nghiêm khắc của mệnh lệnh hành chính. Cần khắc phục được xu hướng quá coi trọng hay quá xem nhẹ phương pháp nào, qua đó mới phát huy hết hiệu quả của GDPL. Đồng thời, cần phải nêu cao vai trò của đối tượng GDPL thông qua các hoạt động nêu gương người tốt, việc tốt; khích lệ tinh thần của đối tượng GDPL, tạo cho họ sự hứng khởi, ý thức trách nhiệm trong tổ chức và thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Cần thực hiện phương pháp bắt buộc xử phạt trong những trường hợp thực sự cần thiết. Nên kết hợp sử dụng các phương pháp giáo dục thuyết phục, mệnh lệnh hành chính, nêu gương, thi đua, xử lý tình huống... một cách đồng bộ các phương pháp, tùy vào điều kiện thực tiễn của đơn vị sẽ phát huy hiệu quả giáo dục cao hơn.

3.3.2. Một số phương pháp điển hình trong giảng dạy và học tập nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật

- Phương pháp vấn đáp: Giảng viên đặt câu hỏi, kích thích người học suy nghĩ, nghiên cứu giáo trình, tài liệu để tìm câu trả lời [23, tr.58]. Phương pháp này thường được giảng viên sử dụng trong quá trình thuyết giảng để buổi học thêm sinh động; tránh sự nhàm chán, khô khan, tránh giảng viên phải độc thoại; đồng thời kích thích sự vận động trí não của học viên trong

tiếp thu kiến thức. Khi sử dụng phương pháp này giúp học viên rèn luyện kỹ năng tư duy, bảo vệ quan điểm của mình khi trình bày ý tưởng. Đối với giảng viên, phương pháp này giúp người dạy đánh giá được mức độ nắm kiến thức của học viên để điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp, nâng cao chất lượng GDPL.

- Phương pháp thảo luận: Những tình huống pháp lý, vấn đề nội dung giảng viên đưa ra để học viên trao đổi và tranh luận theo nhóm để tìm ra phương án giải quyết. Phương pháp này giúp học viên tăng kỹ năng hoạt động nhóm, biết sử dụng trí tuệ của tập thể trong giải quyết vấn đề. Có thể chia lớp thành 3 đến 4 nhóm, có thể nhiều hơn nếu lớp đông; nội dung thảo luận là cùng một vấn đề mà giảng viên đưa ra. Các nhóm thảo luận, thống nhất phương án trả lời, cử đại diện nhóm trình bày phương án của nhóm, đồng thời viết các ý chính lên bảng để mọi học viên kịp theo dõi, phát hiện những chỗ cần tranh luận. Giảng viên đóng vai trò tổng hợp, phân tích các phương án giải quyết của các nhóm; kết luận nội dung tranh luận của học viên, kết luận, đưa ra phương án giải quyết cuối cùng.

- Phương pháp dạy học nêu vấn đề: Giảng viên tạo ra tình huống mâu thuẫn, đưa học viên vào trạng thái tâm lý tìm tòi, khám phá, từ đó GV hướng dẫn, khích lệ HV tìm cách giải quyết. Phương pháp này đòi hỏi GV phải đưa ra được những tình huống mâu thuẫn thực tế, phù hợp với nội dung bài giảng, yêu cầu bắt buộc học viên phải cố gắng tìm cách giải quyết vấn đề [23, tr.60]. Ví dụ: khi dạy đến các loại vi phạm pháp luật, đưa tình huống pháp lý vi phạm pháp luật dân sự nhưng lại nhận định đó là vi phạm pháp luật hình sự; yêu cầu học viên thảo luận để giải thích nhận định sai. Phương pháp nêu vấn đề sử dụng tối đa trí tuệ của học viên, giúp học viên tự tìm ra kiến thức, hình thành tư duy linh hoạt, biết nhận định đánh giá những vấn đề đúng hay sai.

- Phương pháp sử dụng tài liệu, giáo trình, Internet: Thường được GV vận dụng để hướng dẫn HV tự học, tự nghiên cứu để nắm vững nội dung bài

học, mở rộng kiến thức [23, tr.59]. Để hình thành thói quen tự học nhất thiết cần sự tác động của GV thông qua việc hướng dẫn, giao nội dung cần nghiên cứu trước giúp HV biết cách khai thác tài liệu, giáo trình, hình thành thói quen tự nghiên cứu học tập. Giảng viên giới thiệu giáo trình, các loại tài liệu liên quan, các địa chỉ website, hướng dẫn tra cứu qua internet, lên kế hoạch giao việc cho HV thực hiện, đòi hỏi HV nghiên cứu, tìm kiếm thông tin, đồng thời phải quy định thời hạn hoàn thành công việc. Ví dụ: giao cho học viên xây dựng các tình huống pháp lý liên quan đến lĩnh vực dân sự, sưu tầm các vụ án hình sự, hành chính, các vi phạm pháp luật về đất đai... Trên cơ sở đó hình thành cho học viên cách hiểu sâu hơn về nội dung học tập.

- Phương pháp bài tập: Giảng viên chuẩn bị nội dung bài tập tình huống, tổ chức cho học viên vận dụng lý thuyết đã học để giải bài tập. Phương pháp này giúp HV hiểu sâu nội dung lý thuyết đã học, đồng thời luyện tập kỹ năng vận dụng lý thuyết để giải quyết những vấn đề thực tiễn. Tuy nhiên, để có bài tập thích ứng với nội dung lý thuyết, yêu cầu đòi hỏi GV phải có kinh nghiệm thực tiễn nhất định, soạn thảo nội dung bài tập với mức độ khó dễ khác nhau cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể, không thể sử dụng một nội dung cho các đối tượng khác nhau sẽ dẫn đến chất lượng không đồng đều, đánh giá không khách quan. Bài tập nên soạn thảo theo kiểu bài thi để HV quen dần với hình thức thi và hiểu được mức độ đánh giá môn học.

Ngoài ra có thể sử dụng các phương pháp khác như: Phương pháp đóng vai, phương pháp minh họa, phương pháp quan sát thực tế, phương pháp sử dụng phương tiện kỹ thuật hiện đại, phương pháp trò chơi... Quá trình giảng dạy GV có thể sử dụng kết hợp nhiều phương pháp để đem lại hiệu quả thiết thực nhất, bảo đảm chất lượng đào tạo cả chiều rộng và chiều sâu.

3.4. Giải pháp về phương pháp đánh giá kết quả

3.4.1 Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả

Sử dụng nhiều phương pháp khác nhau trong đánh giá kết quả học tập của học viên, kết hợp phương pháp kiểm tra đánh giá truyền thống với kiểm tra đánh giá theo năng lực. Trong đó, cần chú trọng đến các phương pháp đòi hỏi sự chủ động, sáng tạo và tiếp cận thực tế như: Quan sát, vấn đáp, tiểu luận, bài tập lớn... Chuyển từ đánh giá theo từng thời điểm sang đánh giá quá trình, tập trung vào phát triển năng lực cho người học. Kết hợp kiểm tra miệng với kiểm tra giữa học phần thành một điểm chung đánh giá kết quả giữa học phần. Quá trình kiểm tra đánh giá hướng người học được phát triển toàn diện cả về kiến thức, kỹ năng và đạo đức, tác phong quân nhân làm cơ sở xây dựng nhân cách người sĩ quan tương lai. Đánh giá kết quả phải bảo đảm tính công bằng, công khai, minh bạch; đánh giá không áp đặt những tiêu chuẩn chung cho mọi học viên, hướng đến việc phát triển năng lực riêng biệt của từng cá nhân, cần phải đảm bảo sự phân hóa học viên; chú trọng đến việc vận dụng kiến thức, kỹ năng vào trong thực tiễn cuộc sống.

Đối với đối tượng là SQ, QNCN, CNVVCQP cần tập trung đánh giá kết quả theo hướng viết bài thu hoạch cá nhân nhằm phát huy khả năng tư duy sáng tạo của quân nhân, đồng thời trình bày được quan điểm của cá nhân về những vấn đề thực tiễn cuộc sống thông qua các chuyên đề GDPL theo quy định của Tổng cục Chính trị. Thông qua các bài thu hoạch chủ thể GDPL có những đánh giá sát thực về chất lượng giảng dạy, đồng thời có những điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể để đem lại kết quả, chất lượng tốt nhất trong giáo dục pháp luật.

3.4.2 Đổi mới nội dung kiểm tra đánh giá kết quả học tập

Việc lựa chọn nội dung kiểm tra phải đảm bảo đánh giá được năng lực của người học thông qua bài thi hay một nhiệm vụ cụ thể do giảng viên lựa chọn. Nội dung kiểm tra kết quả học tập cần lấy tiêu chí “năng lực” làm trọng tâm. Điều này có nghĩa là nội dung kiểm tra cần hướng đến việc đánh giá

được kiến thức, kỹ năng và thái độ của học viên thông qua thực hiện một nhiệm vụ cụ thể. Khi lựa chọn nội dung kiểm tra cần phải đảm bảo tính toàn diện, trọng tâm và sát với yêu cầu của đối tượng đặc thù là hoạt động quân sự. Ngoài ra, cần lồng ghép thêm một số phương pháp giúp hình thành kỹ năng tự học suốt đời cho học viên như: Phương pháp tự học, tự nghiên cứu, vận dụng kiến thức vào thực tiễn, tìm kiếm và xử lý thông tin...

Để đảm bảo chất lượng kiểm tra kết quả học tập lấy tiêu chí “năng lực” làm trọng tâm thì đề thi, kiểm tra phải được xây dựng theo đúng quy trình, đáp ứng yêu cầu của kiểm tra đánh giá theo năng lực đó là:

- Sử dụng ngân hàng đề thi. Đảm bảo người dạy không cắt xén chương trình và người học không học tủ, học trọng tâm và đảm bảo tính khách quan, vô tư trong thi và kiểm tra.

- Thường xuyên thay đổi bộ đề thi, đổi mới cách ra đề thi để đảm bảo tính chính xác, tính thời sự của đề thi và hạn chế việc học viên tự thu thập đề thi và giải trước.

- Tổ chức cắt phách bài thi. Bộ phận làm phách do ban Khảo thí phụ trách, giáo viên chấm thi không thực hiện cắt phách bài thi để bảo đảm tính khách quan, trung thực trong quá trình chấm thi và kiểm tra.

Ngoài ra, các đề thi viết không chỉ giới hạn ở các đề tự luận như trước mà được thiết kế bằng sự kết hợp giữa tự luận, trắc nghiệm tự luận và giải quyết tình huống. Đề thi thường được cấu tạo bởi hai phần: Lý thuyết và bài tập. Ở phần lý thuyết các câu hỏi đưa ra là câu hỏi tự luận hoặc câu hỏi trắc nghiệm tự luận (câu hỏi đúng sai có giải thích vì sao). Phần bài tập là một hoặc nhiều tình huống yêu cầu giải quyết. Cách ra đề thi như trên đã giải quyết được những hạn chế của bài thi viết thuần túy tự luận, đòi hỏi học viên có sự ứng dụng các kiến thức lý luận cũng như pháp luật thực định trong việc giải quyết các tình huống cụ thể.

3.5. Các giải pháp khác

3.5.1 Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giáo dục pháp luật có trình độ, năng lực.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL ở các trường sĩ quan khu vực phía Nam có trình độ, năng lực là một việc rất cần thiết và cấp bách. Đội ngũ là chủ thể làm công tác GDPL có vai trò quan trọng trong việc mang lại hiệu quả của công tác GDPL nên nhất thiết phải bảo đảm có chuyên môn vững chắc; kiến thức sâu, rộng cả về lý thuyết và thực tiễn; có nghiệp vụ sư phạm và tâm huyết với nghề.

Để đội ngũ làm công tác GDPL có trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cần thực hiện những giải pháp sau:

- Quy định giảng viên pháp luật phải đạt chuẩn về chuyên môn, học vị nhất định; cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL phải có trình độ về pháp luật.

- Có chính sách chuyên biệt đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL để bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ này có trách nhiệm, chuyên tâm vào công việc, đầu tư thời gian nâng cao trình độ, năng lực, chuyên môn nghiệp vụ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách tổ chức các hoạt động ngoại khóa GDPL để bảo đảm tính hiệu quả phát triển năng lực thực tiễn cho đối tượng GDPL.

- Thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn pháp luật cho đội ngũ cán bộ, giảng viên đảm nhiệm công tác GDPL. Tạo điều kiện, cử giảng viên chuyên trách đi đào tạo nâng cao trình độ, học vị theo đúng chuyên ngành luật. Có chế độ ưu đãi, hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng đào tạo chuyên ngành luật ngoài quân đội.

- Thường xuyên tổ chức các hội thi giáo viên dạy giỏi, cán bộ quản lý giỏi có lồng ghép các nội dung về tuyên truyền, phổ biến GDPL để nâng cao

trình độ chuyên môn, phát huy khả năng sáng tạo, học hỏi lẫn nhau của đội ngũ làm công tác GDPL.

- Có chế độ khen thưởng kịp thời đối với cán bộ, giảng viên có thành tích trong công tác tuyên truyền, phổ biến GDPL.

- Kết hợp với cơ quan chuyên trách tổ chức các hội thảo về những chuyên đề có liên quan đến GDPL; thảo luận, đóng góp ý kiến vào các dự thảo luật sửa đổi, bổ sung để nâng cao kiến thức thực tiễn của đội ngũ làm công tác GDPL.

- Tổ chức khảo sát định kỳ, lấy ý kiến của đối tượng GDPL đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác GDPL để đánh giá năng lực, kỹ năng sư phạm, đồng thời có những điều chỉnh phù hợp không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác GDPL.

- Tổ chức bộ phận tư vấn pháp luật là thành viên của hội đồng phổ biến giáo dục pháp luật trường; tư vấn tâm lý, giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học viên, HSQ, BS, giải đáp những thắc mắc pháp lý cho mọi quân nhân trong đơn vị.

3.5.2. Phát huy vai trò của Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam.

Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật các trường sĩ quan khu vực phía Nam có vai trò quan trọng trong công tác tham mưu cho Đảng ủy, Ban giám hiệu trường lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL; duy trì hoạt động xây dựng, tổ chức thực hiện các kế hoạch phổ biến, GDPL trên cơ sở căn cứ vào kế hoạch của Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật của Bộ Quốc phòng, kế hoạch huấn luyện của Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị. Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị thực hiện đúng kế hoạch đã được xây dựng hàng tháng, hàng quý, hàng năm; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, kịp thời rút

kinh nghiệm để công tác GDPL đạt chất lượng, hiệu quả cả về chiều rộng và chiều sâu.

Phát huy vai trò của các thành viên, giảng viên pháp luật, đội ngũ cán bộ chính trị, báo cáo viên pháp luật trong công tác tuyên truyền, phổ biến, GDPL. Làm tốt công tác phối kết hợp giữa cơ quan chính trị với các cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch phổ biến, GDPL. Định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, báo cáo Hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật cấp trên về tình hình triển khai và kết quả đạt được trong công tác phổ biến, GDPL của Nhà trường đúng quy định. Nghiên cứu, học tập kinh nghiệm các phương pháp tổ chức, thực hiện hiệu quả của các trường trong và ngoài quân đội để vận dụng phù hợp với từng đối tượng cụ thể của từng trường, để đạt hiệu quả thiết thực trong công tác GDPL.

3.5.3. Nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật thông qua hoạt động ngoại khóa

Căn cứ vào tình hình thực tế của từng đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động ngoại khóa trong công tác GDPL phù hợp với từng đối tượng cụ thể. Cần có kế hoạch chung cho các đối tượng như hoạt động tọa đàm, trao đổi những nội dung liên quan đến pháp luật, tổ chức các hội thi tìm hiểu PL, thực hiện ngày pháp luật, ngày văn hóa chính trị tinh thần... Bên cạnh đó xây dựng kế hoạch riêng cho các nhóm đối tượng khác nhau như đối tượng học viên cần tổ chức các hoạt động dân vận, giúp dân tuyên truyền phổ biến, GDPL nơi đơn vị kết nghĩa làm công tác dân vận. Đối tượng SQ, QNCN, CNVVCQP cần có những buổi thông tin về tình hình ANCT, TTATXH trên địa bàn, cung cấp những thông tin về tình hình chấp hành kỷ luật trong quân đội, tình hình thế giới và khu vực.

Quá trình tổ chức thực hiện chương trình kế hoạch GDPL cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, khoa giáo viên trong trường; tránh tính hình thức khi chỉ xây dựng kế hoạch mà không coi trọng đến công tác tổ chức

thực hiện dẫn đến chất lượng, hiệu quả thấp. Lãnh đạo, chỉ huy các cơ quan, đơn vị cần quan tâm đúng mức đến hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL; xác định đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng góp phần xây dựng nhân cách cho quân nhân; ý thức chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội. Thực tế có những hội thi tổ chức để tuyên truyền pháp luật nhưng công tác quán triệt và sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy đơn vị chưa đúng mức dẫn đến chưa thu hút được sự quan tâm của mọi quân nhân trong trường, chủ yếu là được thực hiện đơn độc của đơn vị, cá nhân được phân công thực hiện nội dung này. Do đó, công tác GDPL theo chương trình ngoại khóa nhất thiết cần có sự quan tâm của lãnh đạo, chỉ huy các cấp và sự phối kết hợp chặt chẽ của các cơ quan, đơn vị thì mới tránh được việc GDPL làm cho có hình thức, thực hiện cho xong không đem lại chất lượng, hiệu quả thiết thực cho mọi đối tượng quân nhân.

Cần tổ chức đa dạng hóa hình thức và linh hoạt trong sử dụng các hình thức GDPL ngoại khóa cho các đối tượng, đó chính là yếu tố quan trọng để bảo đảm mang lại hiệu quả GDPL. Hình thức GDPL ngoại khóa phải luôn được đổi mới để tránh nhàm chán, phải luôn thú vị để thu hút được sự tham gia của số đông quân nhân. Căn cứ vào tình hình thực tiễn và điều kiện sẵn có của từng đơn vị để vận dụng các hình thức khác nhau như tổ chức các cuộc thi tìm hiểu pháp luật, thi kể chuyện pháp luật, lồng ghép nội dung trong các cuộc thi văn hóa, văn nghệ, xây dựng tiểu phẩm, sinh hoạt chuyên đề... Đồng thời kết hợp nhà trường với địa phương để tổ chức hoạt động GDPL ngoại khóa đa dạng, phong phú hơn, giúp quân được nhân trải nghiệm những tình huống, sự kiện xảy ra trong thực tiễn đời sống xã hội như mời báo cáo viên trong ngành giao thông đảm nhiệm trình bày chuyên đề về giao thông đường bộ, kết quả là quân nhân sẽ nắm được những số liệu báo cáo mới nhất về tình hình an toàn giao thông đường bộ, được trải nghiệm những tình huống thực tế, thấy được mức độ nguy hiểm và hậu quả của tai nạn giao thông qua những hình ảnh và con số thống kê cụ thể, khi đó chất lượng của GDPL thông qua hoạt động ngoại khóa trở nên hiệu quả hơn.

Tiểu kết chương 3

Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, GDPL trong các trường SQ khu vực phía Nam để đạt được chất lượng, hiệu quả cả về chiều rộng và chiều sâu nhất thiết phải có kế hoạch cụ thể cho hoạt động GDPL. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, Ban giám hiệu các trường cùng sự quan tâm, đầu tư đúng mức của lãnh đạo, chỉ huy các cấp trong công tác tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ GDPL.

Để bảo đảm hiệu quả công tác GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam cần phải tập trung triển khai các nhóm giải pháp sau: *Thứ nhất*, xây dựng chương trình, nội dung giáo dục pháp luật cho phù hợp với từng đối tượng, đồng thời đổi mới nội dung GDPL nhằm trang bị cho đối tượng GDPL những kiến thức cơ bản về pháp luật, trang bị kiến thức liên quan đến pháp luật trong lĩnh vực hoạt động quân sự để xây dựng niềm tin, ý thức trách nhiệm của mọi quân nhân trong chấp hành kỷ luật quân đội, quy định của nhà trường và đơn vị. *Hai là*, đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật và đổi mới hình thức GDPL nhằm đưa kiến thức pháp luật đến SQ, HV, QNCN, CNVVCQP, HSQ, BS một cách cụ thể, thiết thực, gắn lý thuyết với thực tiễn. *Ba là*, đổi mới phương pháp GDPL nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mọi quân nhân trong tự nghiên cứu và học tập không ngừng nâng cao kiến thức pháp luật; vận dụng linh hoạt, sáng tạo các phương pháp trong giảng dạy và học tập nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật. *Bốn là*, đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả và đổi mới nội dung kiểm tra đánh giá, nhằm mục đích quá trình kiểm tra đánh giá bảo đảm tính khách quan, công bằng, minh bạch. Ngoài ra, cần phải xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giáo dục pháp luật có trình độ, năng lực. Phát huy vai trò của Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật các trường. Không ngừng nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật thông qua hoạt động ngoại khóa để công tác GDPL trong các trường sĩ quan khu vực phía Nam luôn đem lại hiệu quả thiết thực.

KẾT LUẬN

Giáo dục pháp luật trong các Trường Sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam nói chung và các trường sĩ quan khu vực phía Nam nói riêng có vai trò quan trọng trong nâng cao tri thức, ý thức pháp luật, xây dựng tình cảm, niềm tin đối với pháp luật; đồng thời xây dựng tinh thần tự giác chấp hành pháp luật, kỷ luật quân đội của mọi quân nhân, góp phần xây dựng nhà trường đào tạo sĩ quan quân đội chính quy, kiểu mẫu.

Dưới góc độ khoa học pháp lý, xuất phát từ mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu, luận văn đã đi sâu nghiên cứu vấn đề GDPL trong các Trường Sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam từ thực tiễn các trường sĩ quan khu vực phía Nam đã đạt được những kết quả chính sau:

Luận văn đã tập trung phân tích làm sáng tỏ cơ sở lý luận về GDPL trong các Trường Sĩ quan của Quân đội nhân dân Việt Nam bao gồm: khái niệm, mục đích, vai trò GDPL trong các trường sĩ quan. Quá trình GDPL cho các đối tượng trong trường sĩ quan của QĐND Việt Nam được tạo thành bởi các yếu tố: đối tượng, chủ thể, nội dung, hình thức, phương pháp GDPL và phương pháp đánh giá kết quả. Hoạt động GDPL luôn chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau, trong đó bao gồm yếu tố chủ quan (trình độ học vấn, tâm lý chủ thể) và yếu tố khách quan (nhà trường, môi trường, chính sách). Luận văn đã đưa ra những cơ sở căn cứ pháp lý của công tác GDPL trong các trường sĩ quan quân đội.

Dựa trên kết quả điều tra XHH luận văn tập trung phân tích, đánh giá thực trạng trên 4 vấn đề: nội dung, hình thức, phương pháp GDPL và phương pháp đánh giá kết quả GDPL; phân tích làm rõ hoạt động GDPL theo chương trình chính khóa và hoạt động GDPL theo chương trình ngoại khóa; đánh giá thực chất công tác GDPL nêu ra những điểm mạnh và chỉ ra những hạn chế, tồn tại cần phải khắc phục.

Trên cơ sở đánh giá thực trạng, những hạn chế của công tác GDPL từ thực tiễn các trường sĩ quan khu vực phía Nam, luận văn đề xuất một số giải pháp, luận chứng tính khả thi của 5 nhóm giải pháp nâng cao chất lượng công tác GDPL trong các trường sĩ quan của QĐND Việt Nam bao gồm: nhóm giải pháp về nội dung GDPL, nhóm giải pháp về hình thức GDPL, nhóm giải pháp về phương pháp GDPL, nhóm giải pháp về phương pháp đánh giá kết quả GDPL và nhóm về các giải pháp khác.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Bí thư TW khóa IX (2003), *Chỉ thị số 32/CT-TW ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư TW Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
2. Ban Bí thư TW khóa IX(2003), *Kết luận 04-KL/TW, ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư TW Đảng (khóa XI) về kết quả thực hiện chỉ thị 32/CT-TW, ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư TW Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.
3. Bộ Quốc phòng (1998), *Quyết định số 492/1998/QĐ-BQP ngày 15 tháng 4 năm 1998 về việc thành lập Hội đồng Phối hợp công tác PB,GDPL*, Hà Nội.
4. Bộ Quốc phòng (2003), *Chỉ thị số 21/2003/CT-BQP ngày 07 tháng 3 năm 2003 về việc triển khai công tác PB,GDPL trong Quân đội và Dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên từ năm 2003 đến năm 2007*, Hà Nội.
5. Bộ Quốc phòng (2008), *Chỉ thị số 63/2008/CT-BQP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về việc triển khai công tác PB,GDPL trong Quân đội và lực lượng Dự bị động viên từ năm 2008 đến năm 2012*, Hà Nội.
6. Bộ Quốc phòng (2011), *Chỉ thị số 04/CT-BQP ngày 20/01/2011, về việc triển khai “Ngày pháp luật” trong Quân đội*, Hà Nội
7. Bộ Quốc phòng (2016), *Thông tư số 42/2016/TT-BQP ngày 30/3/2016, Quy định công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong Bộ Quốc phòng*, Hà Nội.
8. Bộ Tư pháp (2004), *Đề án 666 của Bộ tư pháp về chỉ đạo điểm các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật có hiệu quả trong giai đoạn hiện nay*.

9. Bộ Tư pháp (1998), *Nghệp vụ phổ biến giáo dục pháp luật*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

10. Chính phủ (2007), *Nghị quyết số 61/2007/NQ-CP ngày 07/12/2007 về tiếp tục thực hiện chỉ thị 32/CT-TW, ngày 09 tháng 12 năm 2003 của Ban Bí thư TW Đảng (khóa IX) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, nhân dân*, Hà Nội.

11. Cục Nhà trường - Bộ Tổng tham mưu (2017), *Kế hoạch số: 1814/KH-NT ngày 05 tháng 12 năm 2017, Kế hoạch tiếp tục thực hiện đề án “Nâng cao chất lượng phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường đến năm 2021 của quân đội”*. Hà Nội.

12. Đảng cộng sản Việt Nam (1986), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội.

13. Đảng cộng sản Việt Nam (1991), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

14. Đảng cộng sản Việt Nam (1996), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Đảng cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Đảng cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

17. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

18. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

19. Trần Ngọc Đường và Dương Thanh Mai (1995), *Bàn về giáo dục pháp luật*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

20. Quốc hội (2012), *Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội.
21. Phan Chí Hiếu (2015), *Vị trí, vai trò, ý nghĩa của công tác giáo dục pháp luật trong nhà trường và quá trình đưa giáo dục pháp luật vào trong nhà trường*, Tạp chí dân chủ và pháp luật (số tháng 3/2015), tr.2-8.
22. Nguyễn Quốc Sửu (2010), *Giáo dục pháp luật cho đội ngũ cán bộ, công chức hành chính trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội.
23. Võ Thị Mai Thi (2016), Luận văn Thạc sĩ Luật học, *Giáo dục pháp luật trong các trường cao đẳng từ thực tiễn thành phố Hồ Chí Minh*, Học viện Khoa học xã hội, Hà Nội.
24. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Chỉ thị số 02/1998/TT-TTg ngày 07/01/1998 của Thủ tướng về tăng cường công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.
25. Thủ tướng Chính phủ (1998), *Quyết định số 03/1998/QĐ-TTg ngày 07/01/1998 về việc ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 1998 – 2002 và thành lập hội đồng phối hợp công tác phổ biến, giáo dục pháp luật*, Hà Nội
26. Thủ tướng Chính phủ (2003), *Quyết định số 13/2003/QĐ-TTg ngày 17/01/2003 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2003 – 2007*, Hà Nội.
27. Thủ tướng Chính phủ (2008), *Quyết định số 37/2008/QĐ-TTg ngày 12/3/2008 phê duyệt Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật từ năm 2008 – 2012*, Hà Nội.
28. Thủ tướng Chính phủ (2010), *Quyết định số 06/2010/QĐ-TTg ngày 25/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng, quản lý và khai thác Tủ sách pháp luật*, Hà Nội.

29. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 409/QĐ-TTg ngày 04/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 04-KL/TW ngày 19/4/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa XI)*, Hà Nội

30. Viện Nghiên cứu khoa học pháp lý – Bộ Tư pháp (1995), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về phổ biến, giáo dục pháp luật trong công cuộc đổi mới*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

31. Vụ Phổ biến giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp (1997), *Một số vấn đề về phổ biến, giáo dục pháp luật trong giai đoạn hiện nay*, Hà Nội.

32. Phạm Viết Vượng – Đặng Xuân Đức – Phan Thành Long (2008), *Lý luận và phương pháp dạy học đại học*, Nxb Thanh niên, Hà Nội.

33. V.I. Lênin (1980), *Toàn tập*, tập 25, Nxb Tiến bộ, Mátxcova.

PHỤ LỤC

PHIẾU ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC

Để góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng một công trình khoa học, đồng chí vui lòng cho ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (x) vào ô vuông bên cạnh. Xin chân thành cảm ơn đồng chí!

1. Theo đồng chí, nhận thức về giáo dục pháp luật của các đối tượng trong các trường sĩ quan hiện nay ở mức nào? (chọn một phương án).

Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Yếu ☐ Khó trả lời ☐

2. Theo đồng chí, tầm quan trọng của môn học lý luận Nhà nước và pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay như thế nào? (tùy chọn số lượng)

- Mức độ cần thiết của môn học ☐
- Tính thiết thực của môn học ☐
- Mức độ kiến thức ☐
- Mức độ hứng thú ☐

3. Theo đồng chí, hình thức giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay như thế nào? (chọn một phương án)

- Phù hợp ☐
- Tương đối phù hợp ☐
- Không phù hợp ☐
- Khó đánh giá ☐

4. Theo đồng chí, phương pháp giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay như thế nào? (chọn một phương án)

- Phù hợp ☐
- Tương đối phù hợp ☐
- Không phù hợp ☐
- Khó đánh giá ☐

5. Theo đồng chí, trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên giảng dạy môn pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay ở mức nào (chọn một phương án).

Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Yếu ☐ Khó trả lời ☐

6. Theo đồng chí, cơ sở vật chất, tài liệu, phương tiện phục vụ giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay ở mức nào (chọn một phương án).

Tốt ☐ Khá ☐ Trung bình ☐ Yếu ☐ Khó trả lời ☐

7. Theo đồng chí để nâng cao chất lượng giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay cần vận dụng các biện pháp nào sau đây (tùy chọn số lượng).

- Xây dựng chương trình, nội dung giáo dục pháp luật cho phù hợp với từng đối tượng. ☐
- Đổi mới nội dung giáo dục pháp luật. ☐
- Đa dạng hóa các hình thức giáo dục pháp luật. ☐
- Đổi mới hình thức giáo dục pháp luật. ☐
- Đổi mới phương pháp giáo dục pháp luật. ☐
- Đa dạng hóa các phương pháp đánh giá kết quả. ☐
- Đổi mới nội dung kiểm tra đánh giá kết quả. ☐
- Nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ, giảng viên làm công tác giáo dục pháp luật. ☐
- Có kế hoạch và phát động các phong trào thi tìm hiểu về pháp luật. ☐
- Thường xuyên tôn vinh những tấm gương về chấp hành nghiêm kỷ luật, pháp luật. ☐
- Xử lý nghiêm và công bằng các chủ thể vi phạm pháp luật, vi phạm kỷ luật. ☐

8. Theo đồng chí, vai trò của giáo dục pháp luật trong các trường sĩ quan hiện nay như thế nào (chọn một phương án).

- Rất quan trọng

☐

- Quan trọng

☐

- Bình thường

☐

- Không quan trọng

☐

- Khó trả lời

☐

9. Ngoài những nội dung trên, đồng chí có ý kiến gì khác.

.....

.....

.....

.....

10. Xin đồng chí cho biết những thông tin dưới đây:

Đồng chí là cán bộ quản lý

☐

Đồng chí là giảng viên

☐

Đồng chí là học viên

☐

Học viên là sĩ quan

☐

Học viên đào tạo cấp phân đội

☐

Xin chân thành cảm ơn đồng chí!